

HUỖNH VẢN SƠN (Tổg Chũ biờn), MAI MỸ HẠNH (Chũ biờn),
TRẦN THANH DƯ, NGUYỄN THANH HUẦN, LÂM THỊ KIM LIÊN, GIANG THIÊN VŨ

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN,
BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA**
môn

ĐẠO ĐỨC

BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO
(Tài liệu lưu hành nội bộ)

LỚP 5



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HUỖNH VĂN SƠN (Tổng Chủ biên), MAI MỸ HẠNH (Chủ biên),
TRẦN THANH DƯ, NGUYỄN THANH HUÂN, LÂM THỊ KIM LIÊN, GIANG THIÊN VŨ

TÀI LIỆU TẬP HUẤN,
BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
môn

ĐẠO ĐỨC

BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO
(Tài liệu lưu hành nội bộ)

LỚP 5



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Mục lục

Lời nói đầu	3
Phần thứ nhất: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	5
I. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 5	5
1. Định hướng chung về Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.....	5
2. Định hướng Chương trình môn Đạo đức	5
3. Mục tiêu môn Đạo đức	6
II. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA ĐẠO ĐỨC 5	8
1. Cấu trúc sách giáo khoa <i>Đạo đức 5</i>	9
2. Nội dung sách giáo khoa <i>Đạo đức 5</i>	10
III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC, TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG	17
1. Phương pháp dạy học	17
2. Tiến trình tổ chức các hoạt động	23
IV. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP	26
1. Định hướng về kiểm tra, đánh giá môn Đạo đức	26
2. Sử dụng hình thức kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh đối với môn Đạo đức	27
V. GIỚI THIỆU TÀI LIỆU BỔ TRỢ, NGUỒN TÀI NGUYÊN, HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ, THIẾT BỊ GIÁO DỤC	28
1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý trong việc sử dụng tài nguyên sách và học liệu điện tử	28
2. Giới thiệu về hệ thống sách điện tử (<i>hanhtrangso.nxbgd.vn</i>)	30
VI. KHAI THÁC THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU TRONG DẠY HỌC	31
Phần thứ hai: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY	33
I. QUY TRÌNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY	33
II. BÀI SOẠN MINH HỌA	35

Lời nói đầu

Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Đạo đức lớp 5 (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) được biên soạn để hướng dẫn, hỗ trợ giáo viên trong việc tổ chức hoạt động dạy học môn Đạo đức cho học sinh lớp 5, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đồng thời giúp giáo viên thực hiện tốt Chương trình môn Giáo dục công dân. Tài liệu này gồm hai phần:

Phần thứ nhất: Những vấn đề chung giúp giáo viên hiểu rõ hơn chương trình môn Đạo đức lớp 5 trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 về mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học, kiểm tra, đánh giá môn Đạo đức. Đồng thời phần này còn giới thiệu tài liệu bổ trợ, nguồn tài nguyên, học liệu điện tử, thiết bị giáo dục phù hợp với đặc trưng của môn học.

Phần thứ hai: Hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài dạy (theo sách giáo khoa *Đạo đức 5* – bộ sách *Chân trời sáng tạo*). Trong phần này, chúng tôi làm rõ hơn quy trình thiết kế kế hoạch bài dạy và hướng dẫn cách viết mục tiêu của từng bài học; vai trò tổ chức, hướng dẫn của giáo viên và nhiệm vụ học tập của học sinh để đạt được yêu cầu cần đạt trong từng pha hoạt động: *Khởi động, Kiến tạo tri thức mới, Luyện tập, Vận dụng*. Chúng tôi cũng giới thiệu một bài soạn minh họa để minh chứng cho việc kết hợp đa dạng các phương pháp và kỹ thuật dạy học nhằm phát huy tính tích cực học tập của học sinh, hướng đến việc tăng cường hoạt động rèn luyện cho học sinh thông qua nhiều hình thức. Bài soạn minh họa đi kèm gợi ý về nội dung dạy học chi tiết, phương pháp kiểm tra, đánh giá để giáo viên tham khảo.

Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Đạo đức lớp 5 (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) mang tính chất định hướng để giáo viên tiếp cận và tổ chức dạy học môn Đạo đức một cách thuận lợi trên quan điểm khoa học, sư phạm, hệ thống, thực tiễn và có tính mở. Mong quý thầy cô giáo cùng hợp tác, chia sẻ, tích cực sáng tạo để giảng dạy hiệu quả hơn nhằm phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh theo mục tiêu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Chúc các thầy cô dạy tốt, dạy hay!

CÁC TÁC GIẢ

Phần thứ nhất

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 5

1. Định hướng chung về Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 thực hiện mục tiêu giáo dục, hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh (HS) thông qua các nội dung giáo dục ngôn ngữ và văn học, giáo dục toán học, giáo dục khoa học xã hội, giáo dục khoa học tự nhiên, giáo dục công nghệ, giáo dục tin học, giáo dục công dân, giáo dục quốc phòng và an ninh, giáo dục nghệ thuật, giáo dục thể chất, giáo dục hướng nghiệp. Mỗi nội dung giáo dục đều được thực hiện ở tất cả các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có một số môn học và hoạt động giáo dục đảm nhiệm vai trò cốt lõi. Căn cứ vào mục tiêu giáo dục và yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực ở từng giai đoạn giáo dục và từng cấp học, chương trình mỗi môn học và hoạt động giáo dục xác định mục tiêu, các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và nội dung giáo dục của môn học, hoạt động giáo dục đó. Giai đoạn giáo dục cơ bản thực hiện phương châm giáo dục toàn diện và tích hợp, bảo đảm trang bị cho HS tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau Trung học cơ sở; giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp thực hiện phương châm giáo dục phân hoá, bảo đảm HS được tiếp cận nghề nghiệp, chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng. Cả hai giai đoạn giáo dục cơ bản và giáo dục định hướng nghề nghiệp đều có các môn học tự chọn; giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp có thêm các môn học và chuyên đề học tập được lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp, nhằm đáp ứng nguyện vọng, phát triển tiềm năng, sở trường của mỗi HS.

2. Định hướng Chương trình môn Đạo đức

Môn Giáo dục công dân giữ vai trò chủ đạo trong việc giáo dục cho HS ý thức và hành vi của người công dân. Thông qua các bài học về lối sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế, môn Giáo dục công dân bồi dưỡng cho HS những phẩm chất chủ yếu và năng lực cần thiết của người công dân, đặc biệt là tình cảm, nhận thức, niềm tin và cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật, có kĩ năng sống và bản lĩnh vững vàng để tiếp tục phát triển và sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam và hội nhập quốc tế.

Ở giai đoạn giáo dục cơ bản, môn Đạo đức ở cấp Tiểu học là môn học bắt buộc. Nội dung chủ yếu của môn học này là giáo dục đạo đức, pháp luật, giá trị sống, kĩ năng sống. Các mạch nội dung này định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng, nhằm hình thành cho HS thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập, sinh hoạt và ý thức tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.

3. Mục tiêu môn Đạo đức

3.1. Mục tiêu chung

Bước đầu hình thành, phát triển ở HS những hiểu biết ban đầu về chuẩn mực hành vi đạo đức, pháp luật và sự cần thiết thực hiện theo các chuẩn mực đó trong quan hệ với bản thân và người khác, với công việc, cộng đồng, đất nước, nhân loại và môi trường tự nhiên; thái độ tự trọng, tự tin; những tình cảm và hành vi tích cực: yêu gia đình, quê hương, đất nước; yêu thương, tôn trọng con người; đồng tình với cái thiện, cái đúng, cái tốt, không đồng tình với cái ác, cái sai, cái xấu; chăm học, chăm làm; trung thực; có trách nhiệm với thái độ, hành vi của bản thân.

Giúp HS bước đầu nhận biết và điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi của bản thân; biết quan sát, tìm hiểu về gia đình, quê hương, đất nước và về các hành vi ứng xử; biết lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch cá nhân, hình thành thói quen, nền nếp cơ bản, cần thiết trong học tập, sinh hoạt.

3.2. Yêu cầu cần đạt của môn Đạo đức lớp 5

Môn Đạo đức lớp 5 góp phần hình thành, phát triển phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học cấp Tiểu học đã được quy định trong Chương trình tổng thể. Đặc biệt, môn Đạo đức lớp 5 hình thành và phát triển cho HS các năng lực đặc thù của môn Đạo đức như: năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội. Sau đây là các yêu cầu cần đạt cụ thể:

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<i>Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước</i>	– Kể được tên và đóng góp của những người có công với quê hương, đất nước. – Biết vì sao phải biết ơn những người có công với quê hương, đất nước. – Thể hiện được lòng biết ơn bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. – Nhắc nhở bạn bè có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.
<i>Tôn trọng sự khác biệt của người khác</i>	– Kể được một số biểu hiện tôn trọng sự khác biệt (về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,...) của người khác. – Biết vì sao phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người. – Thể hiện được bằng lời nói và hành động thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác. – Không đồng tình với những hành vi phân biệt đối xử vì sự khác biệt về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,...

<i>Vượt qua khó khăn</i>	– Nhận biết được những khó khăn cần phải vượt qua trong học tập và trong cuộc sống. – Kể được một số biểu hiện của vượt qua khó khăn. – Biết vì sao phải vượt qua khó khăn. – Biết vượt qua một số khó khăn của bản thân trong học tập và sinh hoạt. – Quý trọng gương vượt khó trong học tập và cuộc sống.
<i>Bảo vệ cái đúng, cái tốt</i>	– Nhận biết được cái đúng, cái tốt cần bảo vệ. – Biết vì sao phải bảo vệ cái đúng, cái tốt. – Biết một số cách đơn giản để bảo vệ cái đúng, cái tốt. – Mạnh dạn bảo vệ cái đúng, cái tốt.
<i>Bảo vệ môi trường sống</i>	– Nêu được các loại môi trường sống. – Biết vì sao phải bảo vệ môi trường sống. – Biết bảo vệ môi trường sống ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng bằng những việc làm cụ thể phù hợp với khả năng. – Không đồng tình với những hành vi gây ô nhiễm môi trường; nhắc nhở người thân, bạn bè bảo vệ môi trường sống.
<i>Lập kế hoạch cá nhân</i>	– Nêu được các loại kế hoạch cá nhân. – Biết vì sao phải lập kế hoạch cá nhân. – Biết cách lập kế hoạch cá nhân và lập được kế hoạch cá nhân để thực hiện các công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống.
<i>Phòng, tránh xâm hại</i>	– Nêu được một số biểu hiện xâm hại. – Biết vì sao phải phòng, tránh xâm hại. – Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em. – Thực hiện được một số kĩ năng để phòng, tránh xâm hại.
<i>Sử dụng tiền hợp lí</i>	– Nêu được biểu hiện của việc sử dụng tiền hợp lí. – Biết vì sao phải sử dụng tiền hợp lí. – Nêu được cách sử dụng tiền hợp lí. – Thực hiện được việc sử dụng tiền hợp lí. – Góp ý với bạn bè để sử dụng tiền hợp lí.

II. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA ĐẠO ĐỨC 5

Sách giáo khoa (SGK) *Đạo đức 5* là tài liệu chính thức để dạy học môn Đạo đức cho HS lớp 5.

SGK *Đạo đức 5* bám sát định hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục – đào tạo được thể hiện qua các văn bản chỉ đạo như *Nghị quyết số 29/NQ-TW* của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khoá XI), *Nghị quyết số 88/2014/QH13* của Quốc hội, *Quyết định số 404/QĐ-TTg* của Chính phủ.

SGK *Đạo đức 5* bám sát mục tiêu chung của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và mục tiêu cụ thể của Chương trình Giáo dục tiểu học 2018: “Giúp HS hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt”.

SGK *Đạo đức 5* tiếp cận quan điểm hiện đại về SGK của các nước phát triển, làm cho SGK trở thành tài liệu “tạo cơ hội giúp HS kiến tạo hiểu biết thông qua việc cung cấp nhiều nguồn kiến thức (...) cung cấp cho HS nhiều hoạt động học tập, phản ánh quan điểm kiến tạo về bản chất tích cực của học tập”; “ưu tiên nhiều hơn cho cách dạy, cách học và phát triển các kĩ năng học tập, kĩ năng sống, kĩ năng làm việc cho HS”; tạo điều kiện cho giáo viên (GV) vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lấy hoạt động học của HS làm trung tâm.

SGK *Đạo đức 5* kế thừa những ưu điểm và kinh nghiệm biên soạn SGK Đạo đức của Chương trình Giáo dục phổ thông 2006 nhằm đảm bảo tính nhất quán, ổn định của toàn hệ thống giáo dục, phù hợp với năng lực sư phạm thực tế của đội ngũ GV hiện nay.

SGK *Đạo đức 5* tuân thủ Thông tư số 33/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời thực hiện theo *Quy định về quy trình xuất bản sách giáo khoa của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam*.

Chính tả sử dụng trong SGK *Đạo đức 5* thực hiện theo *Quy định tạm thời về chính tả trong sách giáo dục của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam*.

Tư liệu, hình ảnh sử dụng trong SGK *Đạo đức 5* thực hiện theo *Nghị định số 22/2018/NĐ-CP* của Chính phủ ngày 23/2/2018 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2019.

SGK *Đạo đức 5* đảm bảo tính khoa học, tính sư phạm, tính hệ thống – cấu trúc, tính thực tiễn, sinh động; các ngữ liệu đảm bảo tính vùng miền, giới tính và kết hợp hài hoà giữa các giá trị truyền thống và hiện đại, phù hợp với đặc trưng tâm lí của HS trong bối cảnh mới.

1. Cấu trúc sách giáo khoa Đạo đức 5

1.1. Cấu trúc sách giáo khoa Đạo đức 5

Cấu trúc SGK được định hình dựa trên sự tổng hợp yêu cầu đổi mới của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và Chương trình môn Giáo dục công dân; phân tích yêu cầu cần đạt của lớp 5, lý thuyết và quan điểm biên soạn đã nêu trên, cùng với khoa học biên soạn SGK. Cụ thể, SGK *Đạo đức 5* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) bao gồm các thành phần chính như sau:

- Trang bìa, bìa lót;
- Hướng dẫn sử dụng sách;
- Giới thiệu nhân vật;
- Mục lục;
- Lời nói đầu;
- Các chủ đề, bài học (12 bài);
- Giải thích thuật ngữ.

Trong cuốn SGK *Đạo đức 5* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*), nhóm tác giả xây dựng bốn nhân vật: Bin, Cốm, Na, Tin. Mỗi nhân vật mang một tính cách khác nhau. Tên của các nhân vật không gọi theo cách đặt tên thông thường mà gọi theo biệt danh để tránh các em HS giễu cợt nhau, nếu trong lớp có bạn trùng tên với nhân vật. Các nhân vật này sẽ đồng hành cùng các em học sinh trong SGK *Đạo đức* tiểu học.

1.2. Cơ sở xây dựng cấu trúc bài học

Các bài học trong sách HS được thiết kế trên cơ sở xây dựng cấu trúc hoạt động dựa vào các căn cứ sau:

- Theo *Thông tư số 33*, quy định cấu trúc bài học gồm 4 thành phần: Mở đầu, Kiến thức mới, Luyện tập, Vận dụng.
- Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, hướng tới các loại hoạt động học tập: Khám phá, Thực hành, Vận dụng.
- Dựa theo đặc thù của môn Đạo đức, môn học hướng tới các giá trị đạo đức, kỹ năng sống cần khơi dậy cảm xúc đúng đắn, tích cực cho HS.
- Dựa theo lý thuyết dạy học đạo đức và kỹ năng sống, học tập trải nghiệm của Lawrence Kohlberg, Darcia Narvaez, John Dewey, David Kolb,...

Các tác giả xây dựng cấu trúc bài học tương ứng với yêu cầu của *Thông tư số 33* như sau:

Thông tư số 33	Cấu trúc nhóm tác giả xây dựng
Mở đầu	Khởi động
Kiến thức mới	Kiến tạo tri thức mới
Luyện tập	Luyện tập
Vận dụng	Vận dụng

Chương trình môn Đạo đức lớp 5 quy định ba mạch nội dung: Giáo dục đạo đức, Giáo dục kỹ năng sống, Giáo dục kinh tế. Các cụm bài cũng được phân chia một cách tương đối theo ba mạch nội dung đó. Trên cơ sở cấu trúc bài học chung gồm 4 giai đoạn trên đây, GV căn cứ vào đặc thù của từng cụm bài, khai thác nội dung SGK và tổ chức hoạt động dạy học phù hợp để đạt hiệu quả giáo dục tốt hơn.

Cấu trúc bài học bám sát tiến trình nhận thức của HS theo từng mạch nội dung, chú trọng đến việc khai thác kinh nghiệm, khởi tạo cảm xúc, tăng cường tính trải nghiệm, thực hành, vận dụng kỹ năng,... từ đó thúc đẩy động cơ học tập, hành động thực tiễn của HS; giúp HS nhận định rõ các giá trị, chuẩn mực, hành vi,... hình thành động cơ mà biểu hiện ra bên ngoài bằng sự lựa chọn thực hiện những hành động cụ thể phù hợp với chuẩn mực xã hội. Từ cấu trúc bài học này, nhóm tác giả xây dựng các bài học phù hợp với các mục tiêu giáo dục đạo đức và giáo dục kỹ năng sống, giáo dục kinh tế đảm bảo được đặc trưng của môn Đạo đức, nhằm điều chỉnh hành vi của HS phù hợp với các giá trị, chuẩn mực xã hội.

Với cấu trúc như trên, các bài học đạo đức từng bước hình thành năng lực tư duy phản biện về các hành vi đạo đức và không đạo đức – một trong những năng lực chưa được quan tâm nhiều trong giáo dục đạo đức hiện nay. Các bài học đạo đức dựa theo quy trình đó khiến việc học tập, thực hành và vận dụng kiến thức trở nên gần gũi, thú vị với HS mà không làm giảm đi ý nghĩa khoa học của môn học. Các cấu trúc bài học này đều được thử nghiệm ngoài thực tế lớp học và cho thấy hiệu quả giáo dục cao.

2. Nội dung sách giáo khoa Đạo đức 5

2.1. Căn cứ xây dựng các bài học

* Căn cứ vào mục tiêu và yêu cầu cần đạt của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và Chương trình môn Đạo đức;

* Căn cứ vào các lý thuyết về sự phát triển tâm lý trẻ em, trên cơ sở đó nghiên cứu các đặc điểm về nhận thức, tình cảm, nhân cách của HS lớp 5.

Hiểu biết về phát triển tâm lý của HS tiểu học là điều rất cần thiết vì nó cho phép nhóm tác giả đánh giá được sự phát triển nhận thức, cảm xúc, thể chất, xã hội và giáo dục mà HS tiểu học trải qua, đặc biệt là HS lớp 5. Trên cơ sở đó, để thiết kế hoạt động và ngữ liệu trong SGK phù hợp với trình độ tâm lý của HS, nhóm tác giả tham khảo các lý thuyết về sự phát triển tâm lý của trẻ em như:

– *Lý thuyết phát triển tâm lý của Sigmund Freud*: Những kinh nghiệm ban đầu đóng vai trò lớn nhất trong sự phát triển tâm lý. Trong mỗi giai đoạn, đứa trẻ gặp phải xung đột đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển. Không giải quyết được xung đột của một giai đoạn cụ thể có thể ảnh hưởng đến hành vi của người trưởng thành. Chính vì vậy, trong giáo dục đạo đức cần quan tâm đến kinh nghiệm ban đầu của HS và kịp thời đánh giá được những xung đột trong tâm lý của HS, giúp các em kịp thời điều chỉnh hành vi để trưởng thành khoẻ mạnh về tâm lý.

– *Lí thuyết phát triển tâm lí xã hội của Erikson*: Tương tác xã hội và kinh nghiệm đóng vai trò quyết định. Trong mỗi giai đoạn phát triển, cá nhân phải đối mặt với các xung đột tâm lí tác động đến sự phát triển sau này. Giải quyết thành công xung đột của từng giai đoạn sẽ góp phần hình thành nhân cách của mỗi người trong suốt quá trình phát triển. Điều này là cơ sở cho việc giáo dục đạo đức cho HS tiểu học cần phối hợp các hoạt động xã hội, tập thể, nhóm và tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ.

– *Lí thuyết phát triển nhận thức của Piaget*: Lí thuyết phát triển nhận thức liên quan đến sự phát triển của quá trình suy nghĩ của mỗi người, xem xét các quá trình suy nghĩ này ảnh hưởng như thế nào đến cách chúng ta hiểu và tương tác với thế giới. Theo Piaget, ở giai đoạn từ 7 đến 11 tuổi, trẻ em bắt đầu hình thành tư duy logic về các sự kiện cụ thể, nhưng gặp khó khăn trong việc hiểu các khái niệm trừu tượng hoặc giả thuyết. Căn cứ này giúp các tác giả khi xây dựng ngữ liệu trong SGK *Đạo đức 5* chú ý đến tư duy trực quan hình ảnh để giúp HS lĩnh hội các khái niệm trừu tượng dễ dàng hơn. Đồng thời, các tình huống, câu hỏi đặt ra cần hướng đến tư duy logic để HS lớp 5 có cơ hội phát triển các thao tác tư duy: phân tích, tổng hợp, so sánh, dần dần đi đến khái quát hoá, trừu tượng hoá, cuối cùng là cụ thể hoá (ứng dụng được những điều lĩnh hội vào thực tiễn).

– *Lí thuyết học tập xã hội của Albert Bandura*: Theo lí thuyết học tập xã hội, hành vi cũng có thể học được thông qua quan sát và mô hình hoá. Bằng cách quan sát hành động của người khác, bao gồm cả cha mẹ, thầy cô và bạn bè, trẻ em phát triển các kĩ năng mới và có được thông tin mới. Lí thuyết phát triển trẻ em của Bandura cho thấy rằng quan sát đóng vai trò quan trọng trong việc học, nhưng quan sát này không nhất thiết phải mang hình thức như xem một mô hình sống. Thay vào đó, mọi người cũng có thể học bằng cách lắng nghe các chỉ dẫn bằng lời nói về cách thực hiện một hành vi đạo đức cũng như thông qua việc quan sát nhân vật thực hoặc hư cấu thể hiện hành vi trong sách.

– *Lí thuyết văn hoá xã hội của Lev Vygotsky*: Lí thuyết này giới thiệu khái niệm về vùng phát triển gần, đó là khoảng cách giữa những gì một người có thể làm với sự giúp đỡ và những gì họ có thể làm một mình. Với sự giúp đỡ của nhiều người hiểu biết hơn, trẻ em có thể dần dần tìm hiểu và nâng cao kĩ năng, phạm vi hiểu biết của mình. Vì vậy, nhóm tác giả căn cứ vào vùng phát triển gần nhất của trẻ để thiết kế các hoạt động, ngữ liệu phù hợp trong sách và đặt trẻ ở vị trí trung tâm để mở rộng các tình huống trong các mối quan hệ xã hội đa dạng, giúp trẻ được trải nghiệm, thực hành dưới sự tổ chức, hướng dẫn của người lớn.

Tổng hợp các quan điểm về sự phát triển tâm lí trẻ em, đặc biệt là tâm lí của HS lớp 5, có thể khái quát lại một số đặc trưng cần lưu ý để nhóm tác giả biên soạn nội dung các bài học:

– *Về sự phát triển nhận thức*:

+ Tri giác ở HS tiểu học thường bắt đầu với hành động trực quan; đến cuối tuổi cấp Tiểu học là lớp 5, tri giác bắt đầu mang tính xúc cảm, trẻ vẫn thích quan sát các

sự vật, hiện tượng có màu sắc sắc sỡ, hấp dẫn và lúc này tri giác của trẻ đã mang tính mục đích, có phương hướng rõ ràng. Có thể dựa vào đặc điểm phát triển này để tìm cách thu hút trẻ tham gia các hoạt động tích cực, quan sát các hình ảnh màu sắc được thiết kế trong SGK Đạo đức 5. Những hoạt động, ngữ liệu đa dạng sẽ kích thích trẻ cảm nhận, tri giác tích cực và chính xác.

+ Tư duy của HS tiểu học chủ yếu là tư duy trực quan hành động ở đầu cấp và phát triển dần thành tư duy trực quan hình ảnh ở giai đoạn giữa, mang đậm màu sắc xúc cảm. Khả năng khái quát hoá tiến bộ dần từ HS lớp 1 đến lớp 5, theo đó, HS lớp 4 – 5 bắt đầu biết khái quát hoá lí luận. Đây là tiền đề cho sự phát triển tư duy logic, tuy nhiên ở HS lớp 4 – 5, tư duy trực quan hình ảnh vẫn chiếm ưu thế.

+ Hình ảnh tưởng tượng của HS đầu cấp Tiểu học còn đơn giản, chưa bền vững và dễ thay đổi, nhưng đến những năm cuối tiểu học, tưởng tượng tái tạo bắt đầu hoàn thiện. Từ những hình ảnh cũ, trẻ đã tái tạo ra được những hình ảnh mới. Tưởng tượng sáng tạo cũng tương đối phát triển, trẻ bắt đầu phát triển khả năng làm thơ, viết văn, vẽ tranh,... Đây là cơ sở để thiết kế các hoạt động Khởi động, Kiến tạo tri thức mới, Luyện tập, Vận dụng phù hợp hơn với khả năng của HS lớp 5.

+ Ở lớp 4 – 5, trẻ bắt đầu ghi nhớ có ý nghĩa và lượng tri thức trẻ nhớ được gia tăng, nội dung bài học Đạo đức lớp 5 sẽ tăng cường thêm các ngữ liệu dạy học so với các lớp dưới để đảm bảo vừa sức với HS giai đoạn này. Đồng thời, ở giai đoạn này, HS có khả năng điều chỉnh sự chú ý của mình, chú ý có chủ định dần phát triển hơn. HS biết cố gắng và có sự nỗ lực về ý chí trong học tập, có khả năng tiếp nhận câu chuyện dài hơn, bài thơ nhiều câu chữ hơn, tình huống đa dạng tình tiết hơn so với các khối lớp trước đó.

+ Đến lớp 5, HS đã thành thạo ngôn ngữ viết và bắt đầu hoàn thiện về mặt ngữ pháp, chính tả và ngữ âm. Nhờ có ngôn ngữ phát triển mà trẻ có khả năng tự đọc, tự học, tự nhận thức thế giới xung quanh và tự khám phá bản thân thông qua các kênh thông tin khác nhau. Theo đó, kênh chữ trong SGK cũng cần được chú ý hơn.

– Về sự phát triển tình cảm:

Đến lớp 5, các mối quan hệ bạn bè của HS được mở rộng, các em dễ chia sẻ và chơi thân với các bạn của mình, ra sức giúp đỡ bạn; bên cạnh đó, các em cũng dễ giận dỗi, mâu thuẫn với bạn bè rồi cũng nhanh chóng làm lành với bạn sau đó. Sự phát triển tình cảm trong tâm lí HS tiểu học luôn kèm theo sự phát triển năng khiếu như: thơ ca, hội hoạ, kĩ thuật, khoa học,... Tâm lí HS tiểu học được phát triển và dần hoàn thiện trên nhiều khía cạnh. HS chứng chạc dần và học hỏi nhiều điều thú vị từ thế giới xung quanh, đồng thời khám phá nhiều khả năng, năng khiếu của bản thân trong nhiều hoạt động. Đây là cơ sở để đưa các nội dung tích hợp giúp phát triển năng khiếu cho HS bên cạnh năng lực chung, năng lực đặc thù.

– *Về sự phát triển nhân cách:*

Đến lớp 5, những nét tính cách học đường mới dần ổn định và bền vững ở trẻ. Nhìn chung, việc hình thành nhân cách của HS tiểu học mang những đặc điểm cơ bản sau: nhân cách của các em lúc này mang tính chỉnh thể và hỗn nhiên, bộc lộ suy nghĩ, tình cảm của mình một cách vô tư, thật thà và ngay thẳng; nhân cách còn mang tính tiềm ẩn, những năng lực, tố chất của các em còn chưa được bộc lộ rõ rệt, nếu có được tác động thích ứng sẽ bộc lộ và phát triển; đặc biệt nhân cách của các em còn mang tính đang hình thành, việc hình thành nhân cách không thể diễn ra một sớm một chiều, HS tiểu học còn đang trong quá trình phát triển toàn diện về mọi mặt, vì thế nhân cách của các em sẽ được hoàn thiện dần cùng với tiến trình phát triển của mình. Giáo dục đạo đức cho HS lớp 5 không nên có những định kiến mà luôn thiện ý, phải dùng những lời lẽ nhẹ nhàng mang tính gợi mở và chờ đợi, phải hướng trẻ đến với những hình mẫu nhân cách tốt đẹp thông qua các tấm gương từ các nhân vật trong SGK, hình mẫu của người lớn (bố mẹ, thầy cô, hàng xóm,...) để trẻ noi gương.

** Căn cứ vào các lý thuyết Tâm lý học, Giáo dục học về đạo đức và quá trình hình thành hành vi đạo đức:*

– Lawrence Kohlberg xếp 6 giai đoạn hình thành hành vi đạo đức của trẻ em vào ba giai đoạn lớn: giai đoạn tiền thông thường, giai đoạn thông thường và giai đoạn hậu thông thường. Mỗi cấp độ có hai giai đoạn nhỏ. Giai đoạn tiền thông thường áp dụng cho trẻ em khoảng 9 tuổi trở xuống, liên quan đến định hướng vâng lời và trừng phạt cũng như chủ nghĩa cá nhân và trao đổi. Tại thời điểm này, đạo đức tuân theo sự mong đợi của người lớn và kết quả của việc tuân thủ hoặc không tuân theo các quy tắc của người lớn. Trong giai đoạn đầu tiên, một đứa trẻ tránh những hậu quả tiêu cực bằng cách tuân theo các quy tắc, kết luận rằng người bị trừng phạt chắc chắn đã làm điều gì đó sai trái. Trong giai đoạn thứ hai, trẻ phát triển sự hiểu biết rằng những người khác nhau có quan điểm khác nhau và không chỉ có một cách làm đúng. Mặc dù còn nhiều tranh cãi xung quanh lý thuyết phát triển đạo đức của Lawrence Kohlberg, nhưng có thể nhận thấy với HS lớp 5, việc giúp các em nhận thức được những mong đợi (mục tiêu, yêu cầu cần đạt) từ người lớn trong mỗi bài học và ý nghĩa của từng bài học (vì sao cần thực hiện, tác hại, hậu quả khi không tuân thủ chuẩn mực đạo đức) ở giai đoạn đầu tiên là quan trọng. Ở giai đoạn thứ hai, cần quan tâm đến quan điểm riêng của trẻ, tính chủ thể bằng các câu hỏi *Vì sao, Như thế nào, Theo em,...?, Suy nghĩ của em?,...* để giúp trẻ hiểu có nhiều cách làm đúng trong một tình huống đạo đức, lựa chọn cách xử lý phù hợp với khả năng và hoàn cảnh của bản thân mà vẫn đảm bảo chuẩn mực hành vi đạo đức.

– Theo Tâm lý học giáo dục đạo đức (nhiều tác giả), hành vi đạo đức thường được hình thành dựa trên các nhóm yếu tố tâm lý bao gồm: tri thức và niềm tin đạo đức, thiện chí, nghị lực và thói quen đạo đức. Vì vậy, cần chú ý đến mối quan hệ giữa các yếu tố tâm lý cấu thành hành vi đạo đức: tri thức đạo đức là yếu tố định hướng hành vi đạo đức. Nhờ có tri thức đạo đức, cá nhân biết mình nên hay không nên làm gì. Niềm tin,

tình cảm, động cơ và thiện chí đạo đức là yếu tố phát động mọi sức mạnh vật chất và tinh thần, tạo ra sự sẵn sàng thực hiện hành vi đạo đức. Có tri thức, có niềm tin, tình cảm, động cơ và thiện chí đạo đức là có ý thức đạo đức. Tuy nhiên, giữa ý thức với hành vi đạo đức luôn tồn tại một khoảng cách nhất định. Yếu tố giúp xóa bỏ khoảng cách này chính là thói quen đạo đức.

– Theo Tâm lí học giáo dục đạo đức, có các con đường hình thành hành vi đạo đức cho HS như sau: cơ chế bắt chước, cơ chế củng cố và học tập xã hội. Cơ chế bắt chước là sự mô phỏng, tái tạo, lặp lại những hành vi, cách suy nghĩ, tâm trạng của các cá nhân khác trong đời sống xã hội. Những tấm gương trong SGK *Đạo đức 5* giúp HS bắt chước các hành vi tích cực dựa trên việc phân biệt đúng, sai; không đồng tình với cái ác, cái xấu, cái sai và đồng tình với cái thiện, cái đẹp, cái đúng trong cuộc sống. Cơ chế củng cố là làm cho cái đã có sẵn trở nên bền vững, chắc chắn hơn so với trước đó. Do vậy, khi một hành vi tốt diễn ra, để hành vi đó có thể được lặp lại và trở thành ổn định thì cần có sự củng cố. Đây là cơ sở của hoạt động Luyện tập và Vận dụng, phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội để hướng dẫn HS rèn luyện, thực hành thường xuyên.

Học tập xã hội thực chất là học một hành vi thông qua quan sát hành vi của người khác và hình thành trong đầu óc một khuôn mẫu hành vi đóng vai trò điều chỉnh hành vi của bản thân trong các tình huống tương tự. Cơ chế này có điểm tương đồng với sự bắt chước, tuy nhiên tính chất riêng biệt trong học tập xã hội rõ nét hơn và các hành vi hình thành sâu hơn trong tâm lí của trẻ. Với cơ chế này, hình thành hành vi và thói quen đạo đức gắn chặt với môi trường xung quanh của trẻ. Mọi hành vi của người khác, trong các quan hệ xã hội thực, thậm chí hình ảnh minh họa trong SGK *Đạo đức 5* mà trẻ quan sát rất có thể được trẻ học mà chúng ta có khi không để ý tới.

** Căn cứ vào các lí thuyết về sự phát triển phẩm chất, năng lực cho cá nhân:*

Theo Tâm lí học hoạt động, sự hình thành và phát triển của nhân cách chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, trong đó có các yếu tố cơ bản, đóng vai trò quan trọng như: bẩm sinh – di truyền; hoàn cảnh sống; giáo dục; hoạt động và giao tiếp. Trong các yếu tố đó, giáo dục đóng vai trò chủ đạo vì nó vạch ra chiều hướng cho sự hình thành và phát triển nhân cách của HS và dẫn dắt sự hình thành, phát triển nhân cách của HS theo chiều hướng đó. Giáo dục có thể uốn nắn những phẩm chất tâm lí xấu do tác động tự phát của môi trường xã hội gây nên và làm cho nó phát triển theo chiều hướng mong muốn của xã hội. Tính tích cực khi tham gia vào hoạt động và giao tiếp sẽ quyết định trực tiếp đến sự hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân. Vì vậy, SGK *Đạo đức 5* không chỉ thiết kế các pha hoạt động bao gồm Khởi động, Kiến tạo tri thức mới, Luyện tập, Vận dụng mà còn xây dựng ngữ liệu phù hợp với yêu cầu cần đạt. Điều quan trọng là các hoạt động, ngữ liệu phải tạo điều kiện cho GV sử dụng linh hoạt để đưa các phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy học một cách sáng tạo vào nhằm phát huy tính tích cực của HS trong hoạt động học. Đồng thời, sách quan tâm đặt HS ở vị trí trung tâm và mở rộng các mối quan hệ xung quanh HS để đưa các câu chuyện,

tình huống... giúp HS có cơ hội trao đổi, thảo luận, xử lý tình huống với nhóm bạn để thúc đẩy tính tích cực của HS lớp 5.

– Lí thuyết đa trí thông minh của Howard Gardner đã chỉ ra rằng, trí thông minh của con người được chia thành 8 loại hình thông minh: thông minh ngôn ngữ; thông minh logic – toán học; thông minh thể chất; thông minh về không gian; thông minh về giao tiếp xã hội; thông minh nội tâm; thông minh âm nhạc; thông minh về tự nhiên. Căn cứ vào lí thuyết này, nhóm tác giả SGK *Đạo đức 5* tích hợp các nội dung như bài hát, câu chuyện, vẽ tranh,... thể hiện sự quan tâm đến khả năng, năng khiếu cho HS trên quan điểm tích hợp với các môn học và hoạt động giáo dục khác. Bên cạnh yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù, SGK *Đạo đức 5* còn quan tâm đến việc phát huy năng khiếu cho HS.

– Lí thuyết học tập trải nghiệm của David Kolb cho rằng học tập là quá trình, trong đó tri thức được kiến tạo thông qua sự chuyển hoá của kinh nghiệm. Quá trình học tập gồm bốn giai đoạn cơ bản, phù hợp với bốn phong cách học tập bao gồm: Kinh nghiệm cụ thể (Concrete experience); Quan sát phản tỉnh (Reflective observation); Trừu tượng hoá khái niệm (Abstract conceptualisation); Thử nghiệm tích cực (Active experimentation). Theo đó, học tập sẽ xuất phát từ mâu thuẫn giữa kinh nghiệm cụ thể và khái niệm trừu tượng, hiểu đơn giản đó chính là mâu thuẫn giữa cái đã biết và cái chưa biết. Khi giải quyết mâu thuẫn này, mỗi người học có thể thích sử dụng khái niệm trừu tượng hoặc kinh nghiệm cụ thể. Căn cứ vào lí thuyết này, thứ nhất, SGK *Đạo đức 5* xây dựng hoạt động và ngữ liệu để HS có thể học tập qua trải nghiệm, bắt đầu bằng sự thu nhận kinh nghiệm từ các giác quan và kết thúc bằng sự phân tích, khái quát hoá và áp dụng cho chu kỳ mới. Thứ hai, quá trình hình thành nên kinh nghiệm mới dựa trên cơ sở cấu trúc lại kinh nghiệm vốn có nên luôn có những câu hỏi để khai thác kinh nghiệm, vốn sống và trải nghiệm đã qua của HS để kết nối với bài học mới. Thứ ba, vì quá trình học tập qua trải nghiệm chỉ mang lại hiệu quả khi người học được có cơ hội sử dụng, khai thác, kết nối được kinh nghiệm cũ và kinh nghiệm mới; được tạo điều kiện tham gia hoạt động một cách tự giác, tự chủ, độc lập và sáng tạo nên SGK *Đạo đức 5* mang tính mở (*Nêu thêm..., Theo em,...?, Vì sao...?*) để HS và cả GV có thể đưa thêm kinh nghiệm của mình vào bài học. Đồng thời, chú trọng các hoạt động Luyện tập, Vận dụng để HS sử dụng kiến thức mới vào trong thực tiễn cuộc sống. Cuối cùng, học tập trải nghiệm là quá trình thiết lập các mối quan hệ tương tác và hợp tác xã hội (với thế giới xung quanh, với bạn học, với GV,...) nên SGK *Đạo đức 5* lấy HS làm trung tâm và từ đó mở rộng sự tương tác này trong mối quan hệ với người khác (ví dụ, tôn trọng sự khác biệt của người khác, không phân biệt đối xử về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,...).

Tóm lại, các bài học trong SGK *Đạo đức 5* – bộ sách *Chân trời sáng tạo* được thiết kế dựa trên đặc điểm tâm lí của HS lớp 5 và căn cứ vào các quan điểm, lí thuyết về giáo dục đạo đức cũng như phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân để xây dựng các hoạt động,

các ngữ liệu phù hợp với mục tiêu, yêu cầu cần đạt của Chương trình môn Đạo đức. Ngoài ra, căn cứ quan trọng nữa là phân tích điều kiện thực tiễn của giáo dục Việt Nam và kết quả của thực nghiệm.

2.2. Nội dung khái quát và tỉ lệ dành cho các nội dung giáo dục ở sách giáo khoa Đạo đức 5

Nội dung của SGK Đạo đức 5 bao gồm 8 chủ đề được phát triển thành 12 bài học. Cụ thể như sau:

Nội dung			Thiết kế bài học
Giáo dục đạo đức (55%)	Yêu nước	<i>Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước</i>	Thiết kế thành 2 bài: – Người có công với quê hương, đất nước – Em biết ơn người có công với quê hương, đất nước
	Nhân ái	<i>Tôn trọng sự khác biệt của người khác</i>	Thiết kế thành 1 bài: Em tôn trọng sự khác biệt của người khác
	Chăm chỉ	<i>Vượt qua khó khăn</i>	Thiết kế thành 2 bài: – Em nhận biết khó khăn trong học tập và cuộc sống – Em vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống
	Trung thực	<i>Bảo vệ cái đúng, cái tốt</i>	Thiết kế thành 1 bài: Em bảo vệ cái đúng, cái tốt
	Trách nhiệm	<i>Bảo vệ môi trường sống</i>	Thiết kế thành 2 bài: – Môi trường sống quanh em – Em bảo vệ môi trường
Giáo dục kĩ năng sống (25%)	Kĩ năng nhận thức, quản lí bản thân	<i>Lập kế hoạch cá nhân</i>	Thiết kế thành 1 bài: Em lập kế hoạch cá nhân
	Kĩ năng tự bảo vệ	<i>Phòng, tránh xâm hại</i>	Thiết kế thành 2 bài: – Em nhận diện biểu hiện xâm hại – Em chủ động phòng, tránh xâm hại
Giáo dục kinh tế (10%)	Hoạt động tiêu dùng	<i>Sử dụng tiền hợp lí</i>	Thiết kế thành 1 bài: Em sử dụng tiền hợp lí

Xuất phát từ quan điểm lấy người học làm trung tâm, các bài học được xây dựng vừa đảm bảo tính khoa học, tính hệ thống, vừa mang tính vừa sức với HS lớp 5. Nhóm tác giả xây dựng thứ tự bài học và phân bổ thời lượng tương ứng như sau:

STT	Tên bài	Số tiết	STT	Tên bài	Số tiết
Học kì 1			Học kì 2		
1	Người có công với quê hương, đất nước	2	7	Môi trường sống quanh em	2
2	Em biết ơn người có công với quê hương, đất nước	3	8	Em bảo vệ môi trường	2
3	Em tôn trọng sự khác biệt của người khác	3	9	Em lập kế hoạch cá nhân	3
4	Em nhận biết khó khăn trong học tập và cuộc sống	2	10	Em nhận diện biểu hiện xâm hại	3
5	Em vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống	3	11	Em chủ động phòng, tránh xâm hại	3
6	Em bảo vệ cái đúng, cái tốt	3	12	Em sử dụng tiền hợp lí	3
	Ôn tập tổng hợp	1		Ôn tập tổng hợp	2

Căn cứ vào tính mở của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, không yêu cầu bắt buộc nhà trường phải tuân thủ thứ tự các chủ đề đã nêu trong Chương trình môn Đạo đức. Tuỳ vào thực tiễn của địa phương, trình độ hiện có và những đặc điểm tâm sinh lí của HS mà nhà trường có kế hoạch tổ chức dạy học môn Đạo đức phù hợp, đáp ứng các yêu cầu cần đạt, đảm bảo tổng số tiết là 35 tiết Đạo đức/năm học và phù hợp với tỉ lệ số tiết được phân bổ cho từng mạch nội dung. Thứ tự thực hiện các chủ đề/bài học trong bộ sách này mang tính tham khảo, dù vậy, để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho kế hoạch dạy học của nhà trường, địa phương thì bộ sách này vẫn bám sát vào thứ tự các chủ đề trong Chương trình môn Đạo đức lớp 5.

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC, TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG

1. Phương pháp dạy học

Theo định hướng về phương pháp giáo dục của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường áp dụng các phương pháp tích cực hoá hoạt động của người học, trong đó GV có vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HS, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HS tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kĩ năng đã tích lũy được để phát triển.

Các hoạt động học tập của HS bao gồm hoạt động *Khởi động*, hoạt động *Kiến tạo tri thức mới*, hoạt động *Luyện tập* và hoạt động *Vận dụng* (ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề có thực trong đời sống), được thực hiện với sự hỗ trợ của thiết bị dạy học tối thiểu, đồ dùng học tập và công cụ khác, đặc biệt là công cụ công nghệ thông tin và các hệ thống tự động hoá của kĩ thuật số. Các hoạt động học tập nói trên được tổ chức trong và ngoài khuôn viên nhà trường thông qua một số hình thức chủ yếu: học lí thuyết; thực hiện bài tập, trò chơi, sắm vai, dự án nghiên cứu; tham gia thảo luận nhóm, tham quan, cắm trại, đọc sách; sinh hoạt tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng. Tùy theo mục tiêu cụ thể và tính chất của hoạt động, HS được tổ chức làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp. Tuy nhiên, dù làm việc độc lập, theo nhóm hay theo đơn vị lớp, mỗi HS đều phải được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

Trong dạy học môn Đạo đức lớp 5, có thể vận dụng nhiều phương pháp, phương tiện, kĩ thuật dạy học. Về phương pháp dạy học có thể sử dụng *phương pháp kể chuyện, thảo luận nhóm, trò chơi, giải quyết vấn đề, sắm vai, rèn luyện,...*

1.1. Kể chuyện

Kể chuyện là phương pháp dùng lời để thuật lại một câu chuyện nhằm giúp HS rút ra bài học đạo đức từ nội dung câu chuyện. Phương pháp này thường được sử dụng nhằm giới thiệu cho HS một trường hợp, tình huống cụ thể về chuẩn mực hành vi đạo đức theo bài học. Thông qua lời đọc của GV hoặc HS tự kể, HS sẽ nhận ra được hành vi, cách ứng xử, giải quyết vấn đề của các nhân vật trong câu chuyện. HS sẽ tự rút ra được bài học cho bản thân nên làm theo, hay nên tránh hành vi của nhân vật trong câu chuyện.

Ví dụ: Câu chuyện *Bác tập cho chúng tôi có kế hoạch lao động* trong bài 9: *Em lập kế hoạch cá nhân* góp phần hình thành phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm cho HS qua thái độ chủ động, tự giác lập kế hoạch cá nhân. Từ đó, HS rút ra ý nghĩa về của việc lập và thực hiện kế hoạch cá nhân qua lời nhắc nhở của Bác Hồ với anh chị phục vụ và cán bộ. Câu chuyện có độ dài phù hợp với sự phát triển ngôn ngữ của HS lớp 5, tình tiết trong câu chuyện có khả năng phát triển tư duy phân tích và tổng hợp. Đồng thời, HS cũng có cơ hội chia sẻ trải nghiệm và suy nghĩ của mình thông qua việc đúc kết ý nghĩa từ câu chuyện. Để tối ưu hoá thế mạnh của phương pháp kể chuyện, GV cần phối hợp thêm với các phương pháp và kĩ thuật dạy học khác, trong đó việc ứng dụng công nghệ thông tin được khuyến khích để tăng cường tính trực quan và khơi gợi cảm xúc đạo đức cho HS.

2. Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

BÁC TẬP CHO CHÚNG TÔI CÓ KẾ HOẠCH LAO ĐỘNG

Hồi ở Pác Bó, sáng ra Bác Hồ thường bố trí công việc cho chúng tôi làm. Ai không có việc thì được Bác tìm việc cho. Ai đã sắp xếp được công việc trong ngày, Bác thấy vui dù việc làm rất nhỏ. Bác thường hỏi từng người:

- Hôm nay chú định làm gì?
- Thưa Bác, vá áo ạ!
- Được. Còn chú kia?
- Thưa Bác, nghiên cứu tài liệu ạ!
- Được. Còn chú này chưa có việc gì à? Sách này hay đấy, chú đọc đi!

Tôi cũng như các anh em khác thường được Bác chăm lo như vậy. Đặc biệt là khi chúng tôi nghiên cứu tài liệu, Bác thường hướng dẫn rất chu đáo, giúp chúng tôi quen dần vào nền nếp. Đối với anh chị em phục vụ, Bác cũng ân cần chỉ bảo. Tôi nhớ có lần Bác nói với chị Trưng người Cao Bằng:

– Nấu cơm rửa bát cũng phải có trật tự, có kế hoạch cụ thể. Trước khi nấu cơm phải kiểm củi rồi mới đổ gạo vào nồi vo, rồi nhóm lửa và chạy đi lấy lá đợi cơm cạn dậy vào. Chứ vo gạo rồi mới chạy đi kiểm củi thì thật là vô lí.

Bác thường nhắc cán bộ phải luôn làm việc đúng giờ và không nên lãng phí thời gian. Việc nhắc nhở thường xuyên của Bác rèn luyện cho mọi người thói quen sắp xếp công việc hằng ngày, làm việc có kế hoạch, tránh sự tùy tiện và nhất là tránh nhàn rỗi.

(Theo 120 câu chuyện về Chủ tịch Hồ Chí Minh, NXB Thanh niên, 2010)

- Trong câu chuyện trên, Bác thường nhắc nhở anh chị phục vụ và cán bộ điều gì?
- Lời nhắc nhở thường xuyên của Bác có tác dụng gì?
- Theo em, vì sao phải lập và thực hiện kế hoạch cá nhân?

1.2. Thảo luận nhóm

Thảo luận nhóm là phương pháp tổ chức cho HS trao đổi với nhau theo nhóm nhỏ về những vấn đề liên quan đến bài học đạo đức, trong khoảng thời gian giới hạn, mỗi nhóm tự lực hoàn thành các nhiệm vụ học tập/giáo dục trên cơ sở phân công và hợp tác làm việc. Kết quả làm việc của nhóm sau đó được trình bày và đánh giá trước toàn lớp.

Phương pháp thảo luận nhóm tạo cơ hội cho HS có thể chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, ý kiến để giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung bài học; tạo cơ hội cho các em được giao lưu, học hỏi lẫn nhau; cùng nhau hợp tác giải quyết những nhiệm vụ chung.

Ví dụ: GV có thể tổ chức thảo luận nhóm ở các hoạt động Kiến tạo tri thức mới hoặc Luyện tập. Điều này góp phần hình thành và phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS.

Luyện tập**1. Nhận xét các ý kiến sau:****1**

Học sinh còn nhỏ tuổi nên không thể bảo vệ được cái đúng, cái tốt ở xung quanh.

2

Bảo vệ cái đúng, cái tốt là ủng hộ, bênh vực thái độ, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

3

Bảo vệ cái đúng, cái tốt sẽ góp phần giúp xã hội thêm an toàn, công bằng và tốt đẹp.

4

Để không a dua theo cái xấu, chúng ta nên tránh tham gia những việc không liên quan đến mình.

5

Nhắc nhở bạn thực hiện đầy đủ nội quy trường, lớp cũng là bảo vệ cái đúng, cái tốt.

6

Để bảo vệ cái đúng, cái tốt, ta cần tôn trọng và bảo vệ sự thật.

Thảo luận nhóm theo vị trí ngồi (có thể hai bàn quay lại để thảo luận, GV linh hoạt tùy điều kiện thực tế dạy học).

1. Nhiệm vụ thảo luận nhóm:

– Nhận xét 6 ý kiến được nêu ở trang 32, bài 6: *Em bảo vệ cái đúng, cái tốt.*

2. Thời gian thảo luận: 5 phút.

3. Kết thúc thời gian thảo luận, mỗi nhóm cử đại diện lên trình bày (GV có thể yêu cầu mỗi nhóm trình bày 1 hoặc 2 ý kiến, các nhóm còn lại sẽ nhận xét, bổ sung).

1.3. Trò chơi

Trò chơi là phương pháp tổ chức cho HS thực hiện những thao tác, hành động phù hợp với bài học đạo đức thông qua trò chơi nào đó. Trò chơi có nhiều mục đích như chơi để khởi động, chơi để lĩnh hội tri thức mới thông qua trò chơi (trò chơi học tập), chơi để phát hiện tình huống có vấn đề trong quá trình chơi và khám phá được cách thức giải quyết vấn đề (trò chơi nhận thức). Tham gia trò chơi, HS thực hiện được những thao tác, những hành động đạo đức một cách nhẹ nhàng, thoải mái.

Ví dụ: Sử dụng phương pháp trò chơi *Người bí ẩn* để tạo tâm thế thoải mái, kết nối vào bài 3: *Em tôn trọng sự khác biệt của người khác*. Trò chơi không chỉ có giá trị hình thức tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái mà quan trọng là làm não bộ của HS được tập trung, tạo ra năng lượng tích cực để cải thiện động cơ học tập đạo đức của HS. Các trò chơi đều tạo được cảm xúc tích cực và quan trọng là đều góp phần vào việc hình thành và phát triển các năng lực chung như năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho HS và các năng lực đặc thù của môn Đạo đức lớp 5. Sau mỗi trò chơi, GV nên kết hợp với phương pháp đàm thoại để kích thích tư duy cho HS: *Tại sao...? Vì sao...? Theo em, điều gì...? Nếu là em,...?*

Khởi động

Tham gia trò chơi *Người bí ẩn* và trả lời câu hỏi



Vì sao em tìm được người bí ẩn trong trò chơi này?

1.4. Giải quyết vấn đề

Giải quyết vấn đề là phương pháp tạo ra tình huống có vấn đề và kích thích, điều khiển HS huy động những kiến thức, kĩ năng đã biết có liên quan để giải quyết tình huống đó. Tình huống có vấn đề là loại tình huống tồn tại mâu thuẫn giữa một bên là nhiệm vụ đặt ra và một bên là trình độ hiện tại còn hạn chế. Vì vậy, với vốn kiến thức, kĩ năng và kinh nghiệm sẵn có, HS chưa thể ngay lập tức giải quyết được mà cần phải vận dụng hệ thống kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm sẵn có dưới sự hướng dẫn của GV và sự nỗ lực của bản thân mới có thể giải quyết được tình huống (tìm ra tri thức mới, cách thức hành động mới). Để tạo cơ hội cho HS rèn luyện các năng lực như giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, trong dạy học môn Đạo đức, GV có thể thiết kế các tình huống có vấn đề để HS xử lí tình huống. Vấn đề được lựa chọn trong SGK Đạo đức 5 là các vấn đề gần gũi, thực tế và phù hợp với năng lực tư duy của HS. Tùy vào yêu cầu cần đạt mà vấn đề được đưa ra ở mỗi hoạt động dưới những dạng thức khác nhau: *Quan sát tranh và trả lời câu hỏi; Đọc câu chuyện và thực hiện yêu cầu; Xử lí tình huống; Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi...*

Trong SGK Đạo đức 5 (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) có nhiều tình huống đặt ra để HS giải quyết. Ví dụ: phần Luyện tập 2 bài 8: *Em bảo vệ môi trường*, trong hoạt động này có 4 trường hợp và HS cần nhận diện được trường hợp nào là biết bảo vệ môi trường, HS giải thích lí do cho ý kiến của mình và thực hiện được hành vi nhắc nhở những người chưa biết bảo vệ môi trường. Các vấn đề đặt ra trong từng trường hợp khá gần gũi với HS, trên cơ sở huy động kiến thức, kĩ năng từ các hoạt động trước, HS lớp 5 có khả năng giải quyết được.

2. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi

- a. Bác của Tin thường xuyên phun thuốc hoá học để ngừa sâu bọ hại vườn rau.
 - b. Gia đình Cốm ưu tiên đi bộ hoặc đi xe đạp nếu di chuyển gần.
 - c. Bin vứt bao ni lông, chai lọ xuống biển khi đi cắm trại cùng lớp.
 - d. Na có thói quen tái sử dụng các đồ dùng như tập vở cũ còn dư trang trắng để làm giấy nháp.
- Nhân vật nào trong trường hợp trên biết bảo vệ môi trường sống? Vì sao?
 – Em sẽ nhắc nhở những người chưa biết bảo vệ môi trường sống như thế nào?

1.5. Sắm vai

Sắm vai là phương pháp tổ chức cho HS thực hành một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Phương pháp sắm vai có những ưu điểm như: gây hứng thú và chú ý cho HS; tạo điều kiện làm nảy sinh óc sáng tạo của HS,... Sắm vai có thể tiến hành theo hình thức nhóm nhỏ để vừa phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, vừa phát triển được năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS.

Với các tình huống ở phần Luyện tập, GV có thể sử dụng phương pháp này. Tùy vào thời lượng, năng lực của HS mà GV có thể linh hoạt chọn tình huống, không nhất thiết phải sử dụng hết tình huống trong SGK vì theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, GV hoàn toàn có thể linh hoạt trong việc sử dụng ngữ liệu cũng như lựa chọn phương pháp dạy học, nhưng vẫn giải quyết được hết các yêu cầu cần đạt.

3. Xử lý tình huống

• **Tình huống 1:** Lan sống với mẹ vì bố đang công tác ở đảo xa. Na rủ các bạn trong lớp đến giúp đỡ, động viên gia đình Lan. Tuy nhiên, Bin lại không đồng tình vì cho rằng điều này không cần thiết.

Nếu là bạn của Bin, em sẽ làm gì?

• **Tình huống 2:** Nhân dịp sinh nhật Tin, bố tặng Tin quyển sách *Anh hùng nhỏ tuổi đất Việt*. Tin nói với Cốm: “Quyển sách này không hấp dẫn nên mình chưa đọc”.

Nếu là Cốm, em sẽ làm gì?

• **Tình huống 3:** Nhân kỉ niệm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam (22/12), nhà trường tổ chức buổi giao lưu với các cựu chiến binh. Trong lúc các bạn đang say sưa nghe kể chuyện lịch sử, Tin thì thầm với Bin: “Đấy toàn là chuyện của người lớn. Mình xem truyện tranh đi Bin!”.

Nếu là Bin, em sẽ làm gì?

• **Tình huống 4:** Khối lớp 5 tổ chức một buổi hoạt động trải nghiệm tại đền thờ liệt sĩ địa phương. Trong lúc các bạn đang tích cực tham gia hoạt động thì Cốm lại rủ Na trốn ra ngoài chơi.

Nếu là Na, em sẽ làm gì?

1.6. Rèn luyện

Rèn luyện là phương pháp tổ chức cho HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã biết vào việc thực hiện những hành vi, việc làm trong cuộc sống hằng ngày theo bài học đạo đức nhằm củng cố kiến thức, kĩ năng và hình thành thói quen đạo đức cho HS.

Ví dụ: Rèn luyện việc phân loại rác thải ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng theo hướng dẫn trong tranh và trình bày kết quả thực hiện (Vận dụng 3, bài 8: *Em bảo vệ môi trường*).

3. Thực hành phân loại rác thải ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng theo hướng dẫn trong tranh và trình bày kết quả thực hiện.



Bên cạnh sử dụng phương pháp dạy học, việc sử dụng kĩ thuật dạy học trong môn Đạo đức có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong hoạt động dạy và học vì giúp phát huy sự tham gia hoạt động tích cực, chủ động của HS vào quá trình dạy học. Các kĩ thuật dạy học còn kích thích tư duy, sự sáng tạo của HS một cách tốt nhất. Bên cạnh đó, các kĩ thuật dạy học còn là động lực thúc đẩy sự cộng tác làm việc của HS, rèn luyện năng lực giao tiếp, hợp tác cho người học một cách đầy đủ hơn. Một số kĩ thuật dạy học có thể sử dụng cho HS ở lớp 3 như: *Khăn trải bàn, Động não, Tia chớp, XYZ, Sơ đồ tư duy, Trình bày 1 phút, Phòng tranh, Giao nhiệm vụ, Chia sẻ nhóm đôi...*

Cần phối hợp đa dạng các phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy học cùng sự hài hoà giữa hoạt động cá nhân, nhóm và tập thể để đạt mục tiêu cuối cùng và quan trọng nhất trong dạy học đạo đức là hình thành cho HS thói quen đạo đức. Điều đó chỉ có được khi HS vận dụng một cách thường xuyên những kiến thức, kĩ năng đã học vào cuộc sống thường ngày.

2. Tiến trình tổ chức các hoạt động

Chương trình môn Đạo đức lớp 5 quy định ba mạch nội dung: Giáo dục đạo đức, Giáo dục kĩ năng sống, Giáo dục kinh tế. Các cụm bài được phân chia một cách tương đối theo ba mạch nội dung đó. Trên cơ sở cấu trúc bài học chung gồm 4 giai đoạn trên đây, GV căn cứ vào đặc thù của từng cụm bài, khai thác nội dung SGK và tổ chức hoạt động dạy học phù hợp để đạt hiệu quả giáo dục tốt hơn. Cụ thể như sau:

2.1. Cách tổ chức các bài học giáo dục đạo đức, giáo dục kinh tế

Giai đoạn Khởi động

Giáo viên tổ chức hoạt động khởi tạo cảm xúc, yêu cầu HS khai thác kinh nghiệm, khơi gợi cảm xúc đạo đức của các em về vấn đề thực tiễn liên quan đến chuẩn mực hành vi đạo đức. Hoạt động này giúp HS nhận ra chuẩn mực hành vi cần hình thành, từ đó thúc đẩy việc tìm hiểu và suy nghĩ về các biểu hiện cụ thể của hành vi đạo đức đó trong những hoạt động tiếp theo. Nghiên cứu khoa học và thực tiễn cho thấy, việc giáo dục đạo đức phải xuất phát từ cảm xúc đạo đức, khơi dậy lương tri trong mỗi con người thì mới đạt hiệu quả giáo dục.

Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này hướng tới khai thác, khơi dậy cảm xúc đạo đức trong lương tri của các em, thường là:

- *Em cảm thấy thế nào về...?*
- *Cảm xúc của em sau khi nghe/xem... thế nào?*

Giai đoạn Kiến tạo tri thức mới

GV tổ chức hoạt động Kiến tạo tri thức mới, từng bước yêu cầu HS đưa ra ý kiến, phán đoán, nhận xét về những hành động có thể xảy ra trong các tình huống và quyết định hành động nào là phù hợp với chuẩn mực hành vi đạo đức nhất, từng bước hình thành tư duy phản biện về các hành vi đạo đức. Từ đó, HS nhận diện được các

biểu hiện cụ thể của chuẩn mực hành vi đạo đức và hiểu được sự cần thiết của việc thực hiện hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, hoặc bày tỏ thái độ (đồng tình/không đồng tình) trong cuộc sống hằng ngày.

Câu hỏi/yêu cầu đặt ra trong giai đoạn này định hướng cho HS suy nghĩ, phán đoán về nguyên nhân, kết quả của những hành vi đạo đức, từ đó nêu ra những việc cần phải làm, nên làm, thường là:

- Em hãy nêu các biểu hiện...
- Điều gì sẽ xảy ra nếu em không/thực hiện...?
- Vì sao em phải/không được...?
- Những việc em nên/cần phải làm là gì?

Giai đoạn Luyện tập

Trên cơ sở nhận thức rõ nguyên nhân, kết quả, việc nên làm, giai đoạn này GV tổ chức cho HS vận dụng kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng đã được kiến tạo ở hoạt động trước vào các tình huống cụ thể để xác định được hành động phù hợp với chuẩn mực hành vi đạo đức. Hoạt động Luyện tập cần thể hiện được động cơ đạo đức được thúc đẩy từ trong lương tâm của HS, các em thực hành đưa ra những lựa chọn của bản thân khi phải cân nhắc giữa việc ưu tiên các hành động đạo đức với những mục tiêu và nhu cầu khác nhau. GV tổ chức cho HS thực hành, luyện tập, lựa chọn hành vi ứng xử phù hợp với những tình huống đạo đức có thực hoặc giả định.

Giai đoạn Vận dụng

GV tổ chức cho HS thực hiện các hành động đạo đức bằng cách vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống đạo đức trong thực tiễn (bao gồm cả việc rèn luyện sau giờ học), bất kể những trở ngại và khó khăn nào. Hoạt động này giúp HS hình thành và rèn luyện thói quen thực hiện hành vi đạo đức phù hợp với chuẩn mực trong cuộc sống hằng ngày.

2.2. Cách tổ chức các bài học giáo dục kĩ năng sống

Giai đoạn Khởi động

GV tổ chức hoạt động Khởi động nhằm khai thác kinh nghiệm của HS, khơi gợi cảm xúc vốn có của các em về những vấn đề thực tiễn liên quan đến kĩ năng sống phù hợp với lứa tuổi và yêu cầu của Chương trình môn Đạo đức. Hoạt động này giúp HS nhận ra được kĩ năng sống cần được trang bị để giải quyết các vấn đề của thực tiễn, từ đó thúc đẩy việc tìm hiểu và suy nghĩ về cách thực hiện các kĩ năng sống tương ứng.

Câu hỏi đặt ra trong giai đoạn này thường là:

- Em đã từng tham gia/chứng kiến, thực hiện... chưa?
- Kết quả/hậu quả/... thế nào?
- Em thấy mình đã làm tốt/chưa tốt... điều gì?
- Điều gì em cần tiếp tục học hỏi/hoàn thiện?

Những câu hỏi, cách đặt vấn đề cần: *một mặt*, khai thác xem HS đã biết những gì, biết đến đâu về những kiến thức, kĩ năng liên quan đến nội dung bài học; *mặt khác*, kích thích, khơi dậy nhu cầu tìm hiểu, hoàn thiện các kĩ năng sống còn thiếu hụt trong mỗi HS, tạo động lực để HS hứng thú học tập trong giai đoạn sau.

Giai đoạn Kiến tạo tri thức mới

GV tổ chức hoạt động Kiến tạo tri thức mới nhằm hướng dẫn HS liên kết kinh nghiệm thực tiễn với những tri thức liên quan đến kĩ năng sống cần được trang bị, từ đó xác định được cách thức thực hiện kĩ năng sống phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể.

Các kiến thức về kĩ năng cũng được trang bị trong giai đoạn này. Với những bài học kĩ năng sống, việc nhận thức, nắm bắt các kĩ năng cần được chú trọng. GV đóng vai trò của người hướng dẫn, HS là người phản hồi, trình bày quan điểm/ý kiến, đặt câu hỏi/trả lời.

Câu hỏi đặt ra trong giai đoạn này định hướng cho HS nhận thức về nguyên nhân, kết quả của việc thiếu hụt kĩ năng sống, từ đó nêu ra những việc cần phải làm và làm như thế nào cho phù hợp:

- *Điều gì sẽ xảy ra nếu...?*
- *Vì sao phải thực hiện...?*
- *Các bước/cách thức... nên làm là gì?*

Giai đoạn Luyện tập

GV cần tổ chức các hoạt động cho HS có cơ hội thực hành kiến thức và kĩ năng mới vào một bối cảnh/hoàn cảnh/điều kiện có ý nghĩa. Thông qua hoạt động Luyện tập, GV định hướng cho HS thực hành đúng cách, điều chỉnh những hiểu biết, kĩ năng còn chưa đúng. Qua đó, HS có thể tiếp tục học hỏi, điều chỉnh kĩ năng của mình để phù hợp với từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể.

Các hoạt động học tập của giai đoạn này thường tập trung vào cách làm:

- *Làm/nói/nghe... thế nào cho đúng/cho phù hợp?*
- *Các bước/quy trình... thực hiện như thế nào?*

Giai đoạn Vận dụng

GV tổ chức hoạt động để tạo cơ hội cho HS tích hợp, mở rộng và vận dụng kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng đã được luyện tập, thực hành ở hoạt động trước vào các tình huống/bối cảnh mới. GV tổ chức các hoạt động để HS gắn kết các tình huống thực tiễn của chính các em. Hoạt động này giúp HS thể hiện sự linh hoạt, sáng tạo của bản thân khi phải cân nhắc, lựa chọn các kĩ năng đã học vào giải quyết các tình huống cụ thể theo cách hiệu quả nhất, đồng thời hình thành các kĩ năng sống cần thiết, rèn luyện thói quen sống lành mạnh.

Cấu trúc bài học bám sát tiến trình nhận thức của HS theo từng mạch nội dung, chú trọng đến việc khai thác kinh nghiệm, khởi tạo cảm xúc, tăng cường tính trải nghiệm, thực hành, vận dụng kĩ năng,... từ đó thúc đẩy động cơ học tập, hành động thực tiễn của HS; giúp HS nhận định rõ các giá trị, chuẩn mực, hành vi,... hình thành động cơ mà biểu hiện ra bên ngoài bằng sự lựa chọn thực hiện những hành động cụ thể phù hợp với chuẩn mực xã hội. Từ cấu trúc bài học này, nhóm tác giả xây dựng nên các bài học phù hợp với các mục tiêu giáo dục đạo đức và giáo dục kĩ năng sống, giáo dục kinh tế, đảm bảo được đặc trưng của môn Đạo đức nhằm điều chỉnh hành vi của HS phù hợp với các giá trị, chuẩn mực xã hội.

Với cấu trúc như trên, các bài học đạo đức từng bước hình thành năng lực tư duy phản biện về các hành vi đạo đức và không đạo đức – một trong những năng lực chưa được quan tâm nhiều trong giáo dục đạo đức hiện nay. Các bài học đạo đức dựa theo quy trình đó khiến việc học tập, thực hành và vận dụng kiến thức trở nên gần gũi, thú vị với HS mà không làm giảm đi ý nghĩa khoa học của môn học. Các cấu trúc bài học này đều được thử nghiệm tại thực tế lớp học và cho thấy hiệu quả giáo dục cao.

IV. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

1. Định hướng về kiểm tra, đánh giá môn Đạo đức

Ngày 4/9/2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT về Quy định đánh giá HS tiểu học, theo đó: “Đánh giá HS tiểu học là quá trình thu thập, xử lý thông tin thông qua các hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của HS; tư vấn, hướng dẫn, động viên HS; diễn giải thông tin định tính hoặc định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của HS tiểu học”.

Đánh giá kết quả giáo dục là đánh giá mức độ đạt được của HS về phẩm chất và năng lực so với các yêu cầu cần đạt của mỗi lớp học, cấp học nhằm xác định vị trí và ghi nhận sự tiến bộ của mỗi HS tại thời điểm nhất định trong quá trình phát triển của bản thân; đồng thời cung cấp thông tin để GV điều chỉnh việc dạy học và cơ quan quản lí giáo dục thực hiện phát triển chương trình. Đánh giá kết quả giáo dục môn Đạo đức phải bảo đảm các yêu cầu:

a. Kết hợp đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập (bài kiểm tra dưới dạng trắc nghiệm, vấn đáp hoặc tự luận, bài tập thực hành, bài tiểu luận, bài thuyết trình, bài tập nghiên cứu, dự án nghiên cứu,...) với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, tập thể hay cộng đồng và trong sinh hoạt, giao tiếp hằng ngày. Chú trọng sử dụng các bài tập xử lí tình huống được xây dựng trên cơ sở gần kiến thức của bài học với thực tế đời sống, đặc biệt là những tình huống, sự việc, vấn đề, hiện tượng của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với HS. Tăng cường các câu hỏi mở gắn với thực tiễn trong các bài tập kiểm tra, đánh giá để HS được thể

hiện phẩm chất và năng lực. Việc đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia vào các hoạt động học tập, sinh hoạt ở trường, ở nhà và ở cộng đồng cần dựa trên phiếu nhận xét của GV, HS, gia đình hoặc các tổ chức xã hội.

b. Kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HS, đánh giá của phụ huynh HS và đánh giá của cộng đồng, trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất và cần coi trọng đánh giá sự tiến bộ của HS.

c. Kết quả đánh giá sau mỗi học kì và cả năm học đối với mỗi HS là kết quả tổng hợp đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Sử dụng hình thức kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh đối với môn Đạo đức

2.1. Đánh giá thường xuyên

Đánh giá thường xuyên là một hình thức đánh giá trong dạy học môn Đạo đức được thực hiện qua từng hoạt động, tiết học, bài học. Như vậy, mỗi HS đều được đánh giá một cách thường xuyên, bảo đảm việc giáo dục đạo đức diễn ra liên tục, xuyên suốt.

Mục đích của đánh giá thường xuyên là giúp GV, HS xác định mức độ được giáo dục của từng HS trên cơ sở đối chiếu với mục tiêu, các yêu cầu cần đạt theo chương trình môn Đạo đức, từ đó, tác động phù hợp nhằm giúp các em tiến bộ không ngừng, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả quá trình này.

Trong đánh giá thường xuyên môn Đạo đức, ngoài GV, cả HS cũng tự đánh giá bản thân và đánh giá lẫn nhau nhằm tạo ra sự thống nhất. Bên cạnh đó, trong nhiều trường hợp, còn có sự tham gia của các lực lượng giáo dục, trước hết là gia đình. Chính sự tham gia này của các lực lượng giáo dục giúp cho việc đánh giá trở nên khách quan hơn nhờ HS được đánh giá mọi lúc, mọi nơi. Ví dụ, liên quan đến những bài học đạo đức về mối quan hệ với gia đình, sự đánh giá của gia đình về việc HS thực hiện hành vi là cực kì quan trọng.

Nội dung đánh giá thường xuyên trong dạy học môn Đạo đức gồm:

- Các biểu hiện về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù theo chương trình quy định trong từng bài học.
- Các yêu cầu cần đạt theo từng nội dung, bài học được quy định trong chương trình môn học.

Những nội dung này được cụ thể hoá bằng *mục tiêu* của từng bài đạo đức, thậm chí mục tiêu của từng hoạt động được tổ chức theo bài đạo đức đó.

Ngoài ra, đánh giá thường xuyên còn quan tâm đến *quá trình* HS hoạt động, nhất là tư duy, để đạt được kết quả hoạt động (kiến thức, kĩ năng, hành vi, thái độ).

Do đó, khi đánh giá HS, GV cần căn cứ vào mục tiêu hoạt động, mục tiêu bài học, đối chiếu với kết quả, tính đến các điều kiện thực hiện để xác định được mức độ được giáo dục của từng em.

Trong đánh giá thường xuyên, GV nhất thiết phải vận dụng phối hợp các phương pháp đánh giá khác nhau mới bảo đảm tính khách quan, nhất là đánh giá hành vi của HS. Sau khi có được thông tin chính xác và đầy đủ về kết quả học tập môn Đạo đức của mỗi em, GV cần dự kiến và tiếp tục tác động đến HS nhằm giúp từng em khắc phục những hạn chế để đạt được những yêu cầu cần đạt theo bài học và tiến bộ. Theo quy định hiện hành, hình thức đánh giá thường xuyên của môn Đạo đức là bằng nhận xét, không cho điểm.

Ngoài ra, trong quá trình đánh giá thường xuyên, tùy tính chất bài đạo đức, GV cần liên hệ và phối hợp với các lực lượng giáo dục, nhất là gia đình, nhằm bảo đảm hiệu quả giáo dục.

2.2. Đánh giá định kì

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đánh giá định kì đối với môn Đạo đức được thực hiện vào bốn thời điểm: giữa học kì 1, cuối học kì 1, giữa học kì 2 và cuối năm học.

Nội dung đánh giá định kì bao gồm:

- Các biểu hiện về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù theo chương trình quy định cho các nội dung, bài đã học.
- Các yêu cầu cần đạt theo các nội dung, bài đã học được quy định trong chương trình môn học.

Trên cơ sở đánh giá thường xuyên, đối chiếu mức độ hoàn thành nhiệm vụ, kết quả đạt được của HS với mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình môn Đạo đức, GV đưa ra đánh giá cá nhân HS theo một trong các mức sau:

- *Hoàn thành tốt*: Thực hiện tốt các yêu cầu học tập của môn Đạo đức.
- *Hoàn thành*: Thực hiện được các yêu cầu học tập của môn Đạo đức.
- *Chưa hoàn thành*: Chưa thực hiện được một số yêu cầu học tập của môn Đạo đức.

Bên cạnh đó, GV cũng cần ghi nhận sự tiến bộ của HS sau một thời gian học tập (học kì, năm học).

Những phương pháp kiểm tra, đánh giá thường được vận dụng trong đánh giá định kì môn Đạo đức là vấn đáp, kiểm tra viết.

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đánh giá định kì không cho điểm.

V. GIỚI THIỆU TÀI LIỆU BỔ TRỢ, NGUỒN TÀI NGUYÊN, HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ, THIẾT BỊ GIÁO DỤC

1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lí trong việc sử dụng tài nguyên sách và học liệu điện tử

SGK Đạo đức 5 (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) là sản phẩm của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN), được biên soạn dưới sự chỉ đạo trực tiếp của NXBGDVN.

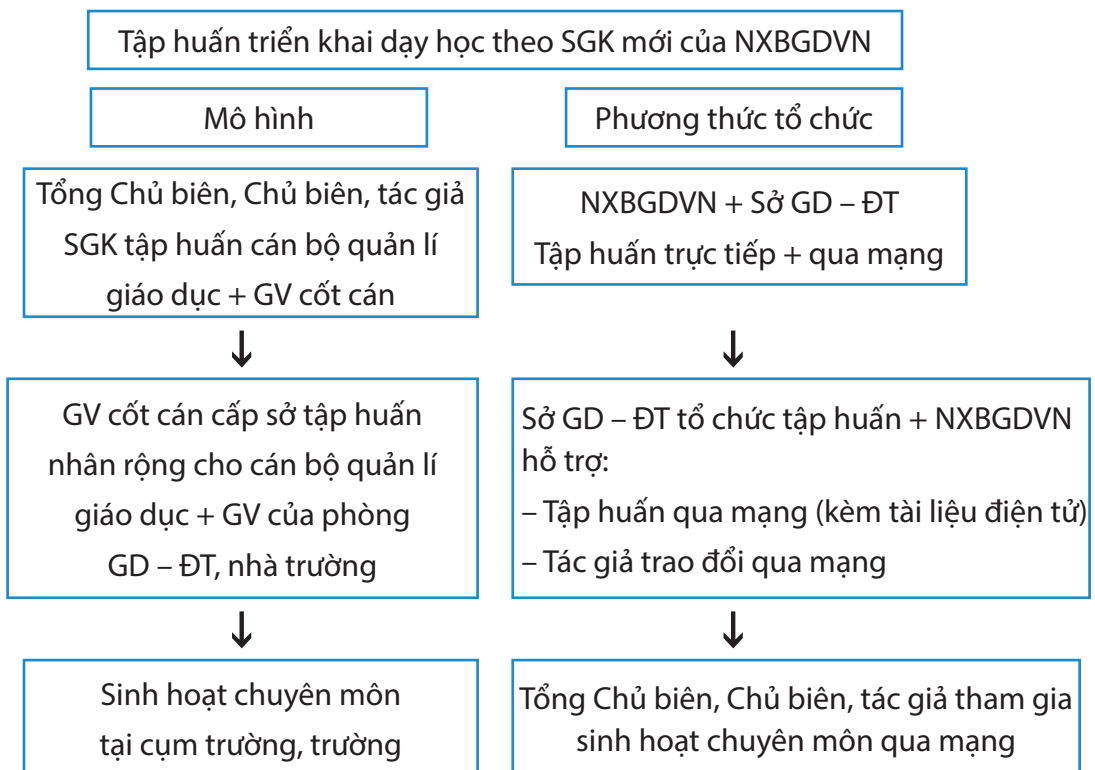
Vì vậy, khi sử dụng SGK này, NXBGDVN đảm bảo GV và cán bộ quản lý sẽ có điều kiện tiếp cận với một nguồn tài nguyên đồ sộ, đa dạng, phong phú (gồm sách tham khảo, tranh ảnh, đồ dùng dạy học,...) và nhiều học liệu điện tử do các đơn vị thành viên của NXBGDVN tổ chức biên soạn, thiết kế.

Nguồn tài nguyên và học liệu điện tử này đảm bảo ở mức cao nhất cơ sở dữ liệu để GV, cán bộ quản lý ở tất cả các trường tiểu học trong cả nước tham khảo, từ đó chọn lọc được những dữ liệu thích hợp nhất đối với việc dạy học môn Đạo đức lớp 5.

Trong quá trình dạy học, GV hoàn toàn có thể, trên cơ sở của SGK *Đạo đức 5*, khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên của NXBGDVN để xây dựng các tình huống, sử dụng các tranh ảnh, video clip, mở rộng hoặc làm mới nội dung bài học bằng những mẫu chuyện đạo đức, thiết kế các hoạt động trải nghiệm v.v. phù hợp với mục tiêu từng bài học để quá trình dạy học thực sự là quá trình tích hợp, huy động kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau; đồng thời quá trình dạy học cũng là quá trình phát triển năng lực, nghiệp vụ sư phạm cho GV.

Cùng với các hoạt động tập huấn trực tiếp, NXBGDVN phát triển hệ thống tập huấn qua mạng (*taphuan.nxbgd.vn*) để đảm bảo cho tất cả GV, cán bộ quản lý giáo dục được tiếp cận trực tiếp bài giảng, giải đáp của chính Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả SGK, qua đó tiếp nhận đầy đủ và có thể vận dụng sáng tạo ý tưởng, nội dung, phương pháp, cách tổ chức dạy học của SGK mới lớp 5 vào dạy học, quản lý dạy học tại địa phương.

a) Mô hình, phương thức tổ chức tập huấn



b) Các học liệu, tiện ích của hệ thống tập huấn qua mạng

- Tài liệu tập huấn tổ chức thực hiện dạy học theo SGK mới.
- Các video giới thiệu tổng quan bộ sách; minh hoạ tiết học; phân tích những đặc trưng, điểm nổi bật về cấu trúc sách, nội dung, phương pháp, cách tổ chức dạy học theo từng môn học, hoạt động giáo dục.
- Bộ giải đáp câu hỏi thường gặp được tổng hợp, biên tập từ những đợt hội thảo, tập huấn GV, cán bộ quản lý giáo dục triển khai dạy học theo SGK mới lớp 5 của bộ sách *Chân trời sáng tạo* thuộc NXBGDVN.
- Câu hỏi, bài tập kiểm tra, đánh giá kết quả tập huấn qua mạng.
- Bộ các công cụ tiện ích để cán bộ quản lý giáo dục, GV trao đổi với Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả, biên tập viên SGK mới của NXBGDVN và trao đổi kinh nghiệm triển khai dạy học với đồng nghiệp trên toàn quốc.
- Hướng dẫn sử dụng hệ thống tập huấn qua mạng để tự học, tự bồi dưỡng và để tổ chức tập huấn GV của sở, phòng giáo dục – đào tạo, sinh hoạt chuyên môn cụm trường, trường.

c) Lợi ích đối với cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên

- SGK do chính Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả SGK tập huấn, hỗ trợ nên cán bộ quản lý giáo dục, GV được tiếp thu nguyên mẫu, trao đổi, chia sẻ trực tiếp.
- Hệ thống tập huấn qua mạng luôn được cập nhật và hoạt động 24/7 nên cán bộ quản lý giáo dục, GV (kể cả những người được bổ nhiệm, tuyển dụng sau tập huấn triển khai SGK mới) có thể thường xuyên truy cập, cập nhật thông tin, tự học, tự bồi dưỡng.
- Kết xuất các báo cáo, thống kê, phân tích kết quả tập huấn cho các cấp quản lý sở, phòng, cơ sở giáo dục.

2. Giới thiệu về hệ thống sách điện tử (hanhtrangso.nxbgd.vn)

Cùng với việc xuất bản SGK giấy, NXBGDVN còn tổ chức xuất bản SGK điện tử. Trên cơ sở ứng dụng những thành tựu mới nhất của công nghệ thông tin, SGK điện tử của NXBGDVN có những ưu điểm sau:

a) Tích hợp và mở rộng

SGK điện tử lớp 5 là phiên bản điện tử của SGK lớp 5 được tích hợp và mở rộng các nội dung liên quan:

- Các học liệu kèm theo SGK như các tệp âm thanh, hình ảnh, clip, video,...;
- Hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học cần thiết để dạy học theo SGK;
- Sách bổ trợ, sách GV;
- Hướng dẫn trả lời câu hỏi, bài tập, hình ảnh, video, để kiểm tra và đáp án, thí nghiệm số hoá, bài e-learning, giáo án, bài giảng;

- Hỏi đáp, tương tác với Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả, biên tập viên SGK và các đơn vị, cá nhân liên quan của NXBGDVN;
- Trao đổi, thảo luận qua mạng với cộng đồng người dùng sách;
- Tự học qua mạng;
- SGK điện tử được thực hiện tích hợp truyền thông đa phương tiện, liên thông nội dung SGK với các nguồn thông tin điện tử có liên quan;
- SGK điện tử "động hoá" được các thông tin từ kênh hình, các cơ chế, quá trình; kết hợp được kênh thông tin khác nhau như hình ảnh, âm thanh, chữ trong việc thể hiện nội dung kiến thức; linh hoạt trong việc bổ sung, hoàn thiện kiến thức.

b) Cập nhật, phát triển không ngừng

Phiên bản điện tử của SGK luôn là phiên bản mới nhất, được cập nhật thường xuyên để:

- Không ngừng hoàn thiện, bổ sung, mở rộng những chức năng nâng cao của hệ thống.
- Không ngừng hoàn thiện, mở rộng, nâng cao nội dung sách, học liệu.

c) Công nghệ

– Hệ thống sách điện tử cho phép chạy trên nền tảng web, sử dụng các trình duyệt phổ biến như IE, FireFox, Chrome,...; thiết bị sử dụng là máy tính cá nhân, máy tính bảng và điện thoại thông minh.

– Hệ thống thân thiện, đơn giản, dễ sử dụng cho mọi đối tượng ở các vùng miền có điều kiện khác nhau trên toàn quốc.

- Có giải pháp chạy offline cho những nơi chưa có hoặc hạn chế về Internet.

d) Dịch vụ hỗ trợ 24/7

– Tập hợp câu hỏi của người dùng để tạo thành tập hợp những câu hỏi/trả lời thường xuyên (Q&A).

- Theo dõi quá trình học tập, sử dụng của người dùng trên hệ thống.
- Quản lý người dùng, kết xuất thống kê, báo cáo hỗ trợ công tác quản lý của các cơ quan quản lý giáo dục.

VI. KHAI THÁC THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU TRONG DẠY HỌC

Chương trình môn Giáo dục công dân 2018 định hướng: “Ngoài các điều kiện thực hiện chương trình giáo dục phổ thông nêu trong Chương trình tổng thể, môn Giáo dục công dân cần được trang bị các tư liệu, phương tiện, đồ dùng dạy học phù hợp với đặc trưng của môn học và điều kiện thực tế như: tranh, ảnh, băng, đĩa, sách và tài liệu tham khảo có nội dung giáo dục về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế và pháp luật; máy chiếu; ti vi,...”.

Ngày 30/12/2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học, trong đó có danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn Đạo đức lớp 5. Để khai thác thiết bị và học liệu một cách hiệu quả, GV và cán bộ quản lý cần lưu ý một số vấn đề sau:

- Coi trọng việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học để hỗ trợ quá trình nhận thức trực quan, cảm tính của HS nhưng phải sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, thực sự có hiệu quả, tránh hình thức, tránh lạm dụng gây phản tác dụng đối với người học, làm giảm hiệu quả của quá trình dạy học. Trong quá trình khai thác và sử dụng thiết bị, học liệu, GV cần cân nhắc, tính toán cụ thể liều lượng, mức độ sao cho các thiết bị và học liệu góp phần làm cho giờ học thêm sinh động, hấp dẫn chứ không sử dụng tràn lan, quá mức khiến giờ học bị nhiều, không đảm bảo thực hiện được mục tiêu bài học.

- Tạo điều kiện để HS thực sự được thực hành, thao tác trên các phương tiện, thiết bị dạy học. GV không nên lạm dụng việc thuyết giảng và làm mẫu trên bộ đồ dùng dạy học của GV, biến HS thành những “quan sát viên” mà nên tạo điều kiện để HS thực hành, thao tác trực tiếp trên phương tiện, thiết bị dạy học (quan sát, lựa chọn,...), qua đó giúp HS trải nghiệm, khám phá, phát hiện kiến thức một cách chủ động, tích cực; rèn luyện kỹ năng tìm tòi, giải quyết vấn đề sáng tạo, góp phần phát triển “năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân”.

- Khuyến khích sử dụng các phương tiện nghe nhìn, phương tiện kỹ thuật hiện đại hỗ trợ quá trình dạy học, đồng thời coi trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thống, phương tiện trực quan thao tác được (những phương tiện có thể trực tiếp cầm, nắm, sắp xếp, dịch chuyển) để giúp việc học trở nên trực quan, hứng thú, tích cực hơn, tiết kiệm thời gian hơn.

- Động viên, khuyến khích HS phát triển hoạt động tự làm các thiết bị dạy học phù hợp để một mặt bổ sung kịp thời các phương tiện, thiết bị dạy học, đặc biệt là thiết bị học tập cá nhân; mặt khác góp phần thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực cho HS.

- Trong dạy học cần kết hợp, phối hợp sử dụng các dạng, loại thiết bị dạy học (thiết bị truyền thống và hiện đại, thiết bị quan sát và thực hành, thiết bị thực và ảo, thiết bị được cung cấp và tự làm). Tùy vào nội dung bài học, phương pháp dạy học mà có thể kết hợp sử dụng các loại hình thiết bị dạy học với nhau và phối hợp chúng một cách hợp lý, khoa học, sinh động.

- Tùy theo điều kiện của từng trường, từng nội dung dạy học cụ thể mà GV có thể lựa chọn một số mô hình, hoặc sử dụng phần mềm xây dựng một số hình ảnh trực quan hỗ trợ dạy học.

Phần thứ hai

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

I. QUY TRÌNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Thực hiện Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018, Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông cấp Tiểu học, Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 4/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng công văn số 2345/BGDĐT-GDTH. Trong nội dung công văn về hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học có hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch bài dạy như sau:

GV căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục; kế hoạch giáo dục của nhà trường; kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; SGK, thiết bị dạy học để xây dựng kế hoạch bài dạy gồm: yêu cầu cần đạt, đồ dùng dạy học cần chuẩn bị, hoạt động dạy học chủ yếu, điều chỉnh sau bài dạy, cụ thể như sau:

a) Yêu cầu cần đạt của bài học: Trên cơ sở yêu cầu cần đạt của mạch nội dung được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục, GV chủ động sử dụng SGK, thiết bị dạy học, học liệu để xác định yêu cầu cần đạt của bài học phù hợp với đối tượng HS, đặc điểm nhà trường, địa phương. Yêu cầu cần đạt của bài học cần xác định rõ: HS thực hiện được việc gì; vận dụng được những gì vào giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống; có cơ hội hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực gì.

b) Đồ dùng dạy học: Các đồ dùng cần chuẩn bị để tổ chức dạy học bài học.

c) Hoạt động dạy học chủ yếu: GV chủ động tổ chức hoạt động dạy học linh hoạt, sáng tạo, đa dạng theo tính chất bài học (bài kiến thức mới; thực hành, ôn tập), đặc điểm môn học, hoạt động giáo dục và phù hợp đối tượng HS.

d) Điều chỉnh sau bài dạy: GV ghi những điểm cần rút kinh nghiệm sau khi thực hiện kế hoạch bài dạy để hoàn thiện phương án dạy học cho các bài học sau: nội dung còn bất cập, còn gặp khó khăn trong quá trình thực hiện tổ chức dạy học; nội dung tâm đắc tổ chức dạy học hiệu quả để trao đổi, thảo luận khi tham gia sinh hoạt chuyên môn.

KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Môn học/hoạt động giáo dục.....; lớp

Tên bài học:; số tiết:

Thời gian thực hiện: ngày... tháng... năm... (hoặc từ .../.../... đến .../.../...)

1. *Yêu cầu cần đạt*: Nêu cụ thể HS thực hiện được việc gì; vận dụng được những gì vào giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống; có cơ hội hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực gì.

2. *Đồ dùng dạy học*: Nêu các thiết bị, học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho HS hoạt động nhằm đạt yêu cầu cần đạt của bài dạy.

3. *Các hoạt động dạy học chủ yếu*:

- Hoạt động Mở đầu: khởi động, kết nối.
- Hoạt động Hình thành kiến thức mới: trải nghiệm, khám phá, phân tích, hình thành kiến thức mới (đối với bài hình thành kiến thức mới).
- Hoạt động Luyện tập, thực hành.
- Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (nếu có).

4. *Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có)*.

Các tác giả SGK Đạo đức 5 xây dựng cấu trúc bài học tương ứng với hướng dẫn của công văn số 2345/BGDĐT-GDTH bao gồm: *Khởi động, Kiến tạo tri thức mới, Luyện tập, Vận dụng*. Mỗi hoạt động đều có gợi ý việc sử dụng và lựa chọn các phương pháp và kỹ thuật dạy học cũng như phối hợp các phương pháp dạy học và kỹ thuật dạy học để đảm bảo tính tích cực cho HS. Trong một số hoạt động sẽ có gợi ý để GV có thể dễ dàng nhận xét, tổng kết, kết luận những tri thức đạo đức để gửi gắm đến HS. Ngoài các hoạt động chính, nhóm tác giả còn biên soạn thêm một số hoạt động mở rộng nhằm gợi ý thêm cho GV tổ chức hoạt động phù hợp với những lớp có nhiều HS khá, giỏi, hoặc làm phong phú thêm các hình thức tổ chức bài học.

Trong các bài, nhóm tác giả còn hướng dẫn GV viết thư gửi các bậc cha mẹ HS, nhằm tạo sự kết nối, tương tác, cộng đồng trách nhiệm trong việc theo dõi, phối hợp, đánh giá quá trình rèn luyện của HS.

Trong phần cuối của một số bài, thường có thêm một hoặc một số phụ lục, học liệu để GV tổ chức đánh giá, kết nối với gia đình, theo dõi quá trình rèn luyện của HS.

Ngoài việc gắn kết với SGK, sách GV còn gắn kết với *Vở bài tập Đạo đức 5*. Một số phương pháp được gợi ý trong sách GV, GV có thể yêu cầu, giao nhiệm vụ HS sử dụng vở bài tập để thực hiện như các phiếu giao nhiệm vụ, các kế hoạch, các phiếu rèn luyện,... Điều này giúp cho quá trình tổ chức hoạt động dạy – học của GV được linh hoạt và chủ động hơn.

II. BÀI SOẠN MINH HỌA

Chủ đề: BIẾT ƠN NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC

Bài 2: Em biết ơn người có công với quê hương, đất nước

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã hoá
1. Phẩm chất chủ yếu		
<i>Yêu nước</i>	Kính trọng, biết ơn người có công với quê hương, đất nước.	YN 2.1
<i>Nhân ái</i>	Thể hiện được sự yêu quý bạn bè trong quá trình thảo luận nhóm.	NA 2.2
2. Năng lực chung		
<i>Năng lực tự chủ và tự học</i>	Tìm được những cách giải quyết khác nhau cho cùng một vấn đề (qua hoạt động sắm vai).	TCTH 2.4
<i>Giao tiếp và hợp tác</i>	Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập (qua hoạt động thảo luận nhóm).	GTHT 2.3
3. Năng lực môn học (đặc thù)		
3.1. Năng lực điều chỉnh hành vi		
<i>Năng lực nhận thức chuẩn mực hành vi</i>	Nêu được lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước	CMHV 2.5
<i>Năng lực đánh giá hành vi của bản thân và người khác</i>	Đồng tình với lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước; không đồng tình với lời nói, việc làm không thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.	CMHV 2.6
<i>Năng lực điều chỉnh hành vi</i>	– Thể hiện được lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.	– CMHV 2.7
	– Nhắc nhở bạn bè có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.	– CMHV 2.8
3.2. Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội		
<i>Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội</i>	Sưu tầm được hình ảnh và đóng góp của một số Danh nhân văn hoá thế giới của Việt Nam.	KTXH 2.9

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Học liệu

- SGK, SGV, VBT (nếu có).
- Giấy A4 (giấy ghi chú hoặc giấy nháp).
- Bút viết, bảng con và phấn/bút lông viết bảng; bảng nhóm được thiết kế sẵn (Hoạt động Kiến tạo tri thức mới 3 và Luyện tập 1).
- Bài giảng điện tử, máy chiếu, micro (nếu có).
- Các hình ảnh minh hoạ, tài liệu về các danh nhân văn hoá thế giới của Việt Nam.
- Hoa trắc nghiệm.

2. Học liệu số, phần mềm, thiết bị công nghệ

- Máy tính, máy chiếu, bài giảng điện tử.
- Các hình ảnh lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước phù hợp với lứa tuổi.
- Các hình ảnh minh hoạ tình huống về lời nói, việc làm cụ thể biết ơn người có công với quê hương, đất nước phù hợp với lứa tuổi.
- Bài hát *Biết ơn chị Võ Thị Sáu* (Nhạc và lời: Nguyễn Đức Toàn).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Tiến trình

Hoạt động học (105 phút)	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	Phương pháp/ Kĩ thuật/Hình thức dạy học	Phương án đánh giá
Hoạt động Khởi động (5 phút)	– HS có hứng thú học tập. – HS có nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới, kết nối vào bài học <i>Em biết ơn người có công với quê hương, đất nước.</i>	<i>Biết ơn chị Võ Thị Sáu</i> (Nhạc và lời: Nguyễn Đức Toàn)	Đàm thoại	Đánh giá thông qua quan sát thái độ, hành vi khi tham gia khởi động.

Hoạt động Kiến tạo tri thức mới (30 phút)	GTHT 2.3, CMHV 2.5	Một số lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.	– Dạy học hợp tác – Trực quan – Đàm thoại – Kỹ thuật <i>Tia chớp</i>, kỹ thuật <i>Công não</i> hoặc <i>Trình bày một phút</i>, XYZ.	– Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập. – Đánh giá thông qua quan sát thái độ, hành vi.
Hoạt động Luyện tập (35 phút)	YN 2.1, NA 2.2, GTHT 2.3, TCTH 2.4, CMHV 2.6, CMHV 2.7, CMHV 2.8	Các ý kiến và tình huống về những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi đối với đóng góp của người có công và nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi biết ơn người có công với quê hương, đất nước.	– Dạy học hợp tác – Dạy học giải quyết vấn đề – Đàm thoại – Đóng vai	– Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập. – Đánh giá thông qua quan sát thái độ, hành vi.
Hoạt động Vận dụng (30 phút)	YN 2.1, NA 2.2, CMHV 2.7, CMHV 2.8, KTXH 2.8, KTXH 2.9	Vận dụng kiến thức đã học để rèn luyện việc thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước phù hợp với lứa tuổi; nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi biết ơn có công với quê hương, đất nước.	– Giao việc – Dạy học hợp tác	– Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập. – Đánh giá thông qua quan sát thái độ, hành vi.
Hoạt động Tổng kết (5 phút)	HS tổng kết những điều đã học.	Đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt	Dạy học cá nhân	Đánh giá qua quan sát thái độ, hành vi.

B. Các hoạt động học

Hoạt động dạy	Hoạt động học
Hoạt động Khởi động (5 phút): Nghe/hát bài hát <i>Biết ơn chị Võ Thị Sáu</i> (Nhạc và lời: Nguyễn Đức Toàn) và thực hiện yêu cầu	
– <i>Mục tiêu:</i> HS có hứng thú học tập, nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới, kết nối vào bài học <i>Em biết ơn người có công với quê hương, đất nước</i>. – <i>Nội dung:</i> Bài hát <i>Biết ơn chị Võ Thị Sáu</i> và các câu hỏi liên quan. – <i>Sản phẩm:</i> Câu trả lời của HS, thái độ tích cực của HS. – <i>Tổ chức thực hiện:</i>	
1. GV tổ chức cho HS hát/nghe bài hát kết hợp với vỗ tay hoặc múa minh họa. Trước khi HS hát/nghe bài hát, GV đặt câu hỏi định hướng. 2. Sau khi HS hát/nghe bài hát, GV nêu yêu cầu để HS suy nghĩ và trả lời: – <i>Chia sẻ những điều em biết về chị Võ Thị Sáu.</i> – <i>Lòng biết ơn chị Võ Thị Sáu được thể hiện như thế nào qua bài hát trên?</i> 3. GV tổ chức cho HS nhận xét lẫn nhau, GV nhận xét và tổng kết hoạt động để kết nối vào bài học. <i>Gợi ý: Biết ơn người có công với quê hương, đất nước là trách nhiệm của mỗi công dân. Chúng ta có thể thể hiện lòng biết ơn này bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi và nhắc nhở mọi người như thế nào?</i>	1. HS hát/lắng nghe bài hát, thể hiện cảm xúc tự nhiên. 2. HS tiếp nhận, suy nghĩ và trả lời câu hỏi. <i>* Câu trả lời mong đợi:</i> – <i>Giới thiệu về chị Võ Thị Sáu</i> (Tham khảo mục <i>Tóm tắt tiểu sử chị Võ Thị Sáu</i> trong phần <i>Hồ sơ dạy học</i>). – <i>Lòng biết ơn chị Võ Thị Sáu được thể hiện qua bài hát:</i> Đời sau nhắc nhớ về công ơn, đến thăm viếng mộ chị Sáu, hát về chị Sáu. 3. HS nhận xét lẫn nhau và lắng nghe GV nhận xét, tổng kết hoạt động, giới thiệu bài mới.
Hoạt động Kiến tạo tri thức mới (30 phút)	
KTTT 1. Đọc cuộc trò chuyện và trả lời câu hỏi	
– <i>Mục tiêu:</i> GTHT 2.3, CMHV 2.5. – <i>Nội dung:</i> Lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước qua cuộc trò chuyện. – <i>Sản phẩm:</i> Câu trả lời của HS; thái độ khi làm việc nhóm (có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập). – <i>Tổ chức thực hiện:</i>	

1. Hoạt động này có thể tiến hành toàn lớp hoặc theo nhóm đôi. GV tổ chức cho HS phân vai đọc cuộc trò chuyện theo nhóm đôi, thảo luận các câu hỏi:

– Theo em, vì sao cần tổ chức các hoạt động kỉ niệm vào ngày 27 tháng 7?

– Em cần làm gì để thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước?

2. GV mời 1 – 2 nhóm đọc cuộc trò chuyện. Với mỗi câu hỏi, GV mời 1 – 2 HS trả lời và cho HS nhận xét lẫn nhau.

3. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý: Ngày 27 tháng 7 hằng năm là ngày Thương binh – Liệt sĩ, ngày tri ân, tưởng nhớ các anh hùng liệt sĩ, thương binh, bệnh binh – những người có công với quê hương, đất nước. HS có thể tham gia các hoạt động thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước do nhà trường và địa phương tổ chức, tích cực học tập, rèn luyện để trở thành người có ích cho đất nước.

1. HS lập nhóm theo yêu cầu của GV; cử nhóm trưởng, đặt tên nhóm; đưa ra nội quy của nhóm và phản hồi về nhiệm vụ mà nhóm và mỗi thành viên phụ trách.

2. HS lắng nghe nhiệm vụ, đọc cuộc trò chuyện, thảo luận và bày tỏ ý kiến.

** Gợi ý câu trả lời:*

– Cần tổ chức các hoạt động kỉ niệm vào ngày 27 tháng 7 vì đây là ngày Thương binh – Liệt sĩ, ngày tri ân, tưởng nhớ các anh hùng liệt sĩ, thương binh, bệnh binh – những người có công với quê hương, đất nước; Đây cũng là dịp nhắc nhở thế hệ sau về trách nhiệm phải sống sao cho xứng đáng với sự hi sinh của các thế hệ đi trước.

– Tham gia các hoạt động thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước do nhà trường và địa phương tổ chức: viếng nghĩa trang liệt sĩ; viết thư cảm ơn, thăm hỏi các cô chú, ông bà là cựu chiến binh,...; tích cực học tập, rèn luyện để trở thành người có ích cho đất nước.

3. HS lắng nghe, tương tác về cảm xúc. HS nhận xét lẫn nhau và lắng nghe GV nhận xét, tổng kết hoạt động, chuyển ý sang hoạt động tiếp theo.

KTTM 2. Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu

– Mục tiêu: GTHT 2.3, CMHV 2.5.

– Nội dung: Lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

– Sản phẩm: Câu trả lời của HS, thái độ của HS khi làm việc nhóm.

– Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể tổ chức cho HS hoạt động toàn lớp hoặc theo nhóm 4. GV yêu cầu HS trao đổi, giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ: *nêu lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước thể hiện trong tranh.*

2. Với mỗi tranh, GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trả lời.

3. GV tạo điều kiện cho các nhóm nhận xét lẫn nhau. GV đánh giá kết quả làm việc của các nhóm.

1. HS lắng nghe nhiệm vụ, tham gia hoạt động và bày tỏ ý kiến.

2. HS đại diện nhóm báo cáo kết quả.

* Câu trả lời mong đợi:

– Tranh 1: Chào hỏi lễ phép với người có công (vận động viên SEA Games).

– Tranh 2: Thăm viếng nghĩa trang, đền thờ liệt sĩ.

– Tranh 3: Tìm hiểu về gương người có công với quê hương, đất nước qua sách, báo,...

– Tranh 4: Đến thăm hỏi, giúp đỡ người có công đang gặp khó khăn (thương binh).

– Tranh 5: Bày tỏ sự ngưỡng mộ, kính trọng với người có công (danh họa Việt Nam).

– Tranh 6: Vẽ tranh, viết thư bày tỏ lòng biết ơn gửi đến người có công (các thầy cô giáo đang công tác ở đảo xa).

3. HS nhận xét lẫn nhau.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo. <i>Gợi ý: Chúng ta có thể bày tỏ lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước bằng những việc làm cụ thể, phù hợp với lứa tuổi như chào hỏi lễ phép, tìm hiểu về tấm gương người có công, thăm hỏi, giúp đỡ, viết thư...</i>	4. HS lắng nghe GV nhận xét, tổng kết hoạt động, chuyển ý sang hoạt động tiếp theo.
KT TTM 3. Kể thêm những lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước	
– Mục tiêu: GTHT 2.3, CMHV 2.5. – Nội dung: Một số biểu hiện của lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước. – Sản phẩm: Câu trả lời của HS, thái độ của HS khi làm việc nhóm. – Tổ chức thực hiện:	
1. GV sử dụng kĩ thuật <i>Công não viết</i>, tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm 4 (hoặc 6) với yêu cầu: <i>Kể thêm những lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.</i> Mỗi nhóm nhận một bảng nhóm có vẽ hình cây táo và HS viết lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn lên hình quả táo và dán lên cây táo. <i>Gợi ý:</i> Ngoài cách tổ chức này, GV có thể linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc thảo luận nhóm. Ví dụ, có thể tổ chức HS thảo luận theo nhóm đôi (theo kĩ thuật XYZ – 432): GV yêu cầu mỗi nhóm 4 HS kể thêm 3 biểu hiện của lòng biết ơn người có công trong thời gian 2 phút. Để tạo hứng thú, GV có thể mở đồng hồ đếm ngược để HS tập trung công não. Hoặc GV có thể tổ chức thảo luận nhóm theo kĩ thuật <i>Khăn trải bàn</i>.	1. HS lắng nghe nhiệm vụ và phản hồi về việc hiểu yêu cầu của nhiệm vụ; trao đổi, giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ.

2. GV mời đại diện 3 – 4 nhóm HS phát biểu và nhận xét lẫn nhau. Để tạo bầu không khí sinh động cho lớp học, GV có thể sử dụng kĩ thuật <i>Phòng tranh</i> để HS quan sát sản phẩm, đặt câu hỏi cho các nhóm hoặc nhận xét, bổ sung câu trả lời của HS khác. 3. GV nhận xét và khen ngợi sự tích cực của HS. <i>Gợi ý:</i> GV bổ sung hoặc mở rộng thêm một số biểu hiện của lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước như: – Nhận, đưa đồ vật bằng hai tay với người có công với quê hương, đất nước. – Nhắc nhở bạn bè, người thân thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước,...	2. HS báo cáo kết quả, tương tác về cảm xúc. HS nhận xét lẫn nhau. 3. HS lắng nghe GV nhận xét, tổng kết hoạt động, chuyển ý sang hoạt động tiếp theo.
Tóm tắt ghi nhớ kết thúc tiết 1	
– GV nêu kết luận: Một số lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước phù hợp với lứa tuổi. – GV dặn dò cho tiết học tiếp theo.	– HS lắng nghe và đặt câu hỏi thắc mắc, nếu có. – HS chuẩn bị cho tiết học tiếp theo.
Hoạt động Luyện tập (35 phút)	
– <i>Mục tiêu:</i> YN 2.1, NA 2.2, GTHT 2.3, TCTH 2.4, CMHV 2.6, CMHV 2.7, CMHV 2.8. – <i>Nội dung:</i> Các ý kiến và tình huống về những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi đối với đóng góp của người có công và nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi biết ơn người có công với quê hương, đất nước. – <i>Sản phẩm:</i> Câu trả lời của HS, tiểu phẩm sắm vai (HS tích cực tham gia hoạt động, xử lí các tình huống phù hợp, bày tỏ suy nghĩ và thái độ phù hợp, đưa ra nhiều cách giải quyết cho tình huống). – <i>Tổ chức thực hiện:</i>	
Luyện tập 1. Nhận xét ý kiến	
1. GV có thể linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm. GV hướng dẫn HS chuẩn bị và thực hiện: Viết các ý kiến lên hình bông hoa; bảng nhóm được thiết kế dạng chia đôi, một bên là vườn hoa, một bên là bãi đất trống. HS đồng tình với	1. HS lắng nghe nhiệm vụ và phản hồi về việc hiểu yêu cầu của nhiệm vụ.

ý kiến nào thì dán bông hoa viết ý kiến đó vào vườn hoa, không đồng tình thì dán bông hoa ở khu vực đất trống. Sau khi dán, nhóm thảo luận về cách lựa chọn của mình.

Các ý kiến:

– Ý kiến 1: *Nói lời cảm ơn người có công với quê hương, đất nước là thể hiện lòng biết ơn đối với họ.*

– Ý kiến 2: *Chỉ thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước vào ngày lễ kỉ niệm.*

– Ý kiến 3: *Phấn đấu học tập và rèn luyện để trở thành công dân có ích cho đất nước cũng là việc làm thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.*

– Ý kiến 4: *Quan tâm, giúp đỡ gia đình những người có công với quê hương, đất nước là trách nhiệm riêng của chính quyền.*

– Ý kiến 5: *Cần thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước bằng thái độ chân thành, tôn trọng.*

– Ý kiến 6: *Nhắc nhở người khác có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương, đất nước là trách nhiệm của người lớn.*

2. GV tổ chức cho HS trình bày kết quả (có thể dùng kĩ thuật *Phòng tranh*, hoặc mỗi nhóm cử một thành viên sang nhóm khác chia sẻ,...). Với mỗi ý kiến lần lượt được nêu, GV có thể nêu câu hỏi: *Vì sao em đồng tình hoặc không đồng tình với ý kiến này?* để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng ý kiến, có thể nêu ví dụ minh hoạ. GV nhắc lại ý kiến có nhiều HS trả lời chưa phù hợp để HS điều chỉnh nhận thức và thái độ cho HS.

2. HS làm việc nhóm và trả lời câu hỏi khi tương tác với GV, các HS khác.

** Câu trả lời mong đợi:*

– Đồng tình với ý kiến 1, 3, 5; không đồng tình với ý kiến 2, 4, 6.

– Không đồng tình với ý kiến 2 vì cần thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước mọi nơi, mọi lúc, không phải chỉ vào ngày lễ kỉ niệm.

3. GV tổ chức cho HS nhận xét lẫn nhau, GV nhận xét, động viên HS. 4. GV kết luận trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo. <i>Gợi ý:</i> <i>Biết ơn người có công với quê hương, đất nước là trách nhiệm của mỗi công dân, cần được thực hiện mọi nơi, mọi lúc. Ai cũng có trách nhiệm nhắc nhở người khác thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước bằng thái độ, hành vi phù hợp.</i>	– Không đồng tình với ý kiến 4 vì quan tâm, giúp đỡ gia đình những người có công với quê hương, đất nước là trách nhiệm chung của mọi người, HS nhỏ tuổi cũng có thể thực hiện bằng những việc làm phù hợp. – Không đồng tình với ý kiến 6 vì ai cũng có trách nhiệm nhắc nhở người khác có thái độ, hành vi thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước. 3. HS nhận xét lẫn nhau và lắng nghe GV nhận xét. 4. HS lắng nghe GV tổng kết hoạt động, chuyển ý sang hoạt động tiếp theo.
Luyện tập 2. Bày tỏ thái độ đồng tình hoặc không đồng tình	
1. GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân (linh hoạt thay đổi hình thức so với hoạt động trước đó). Với mỗi tình huống lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS giơ thẻ mặt cười (thể hiện đồng tình) hoặc mặt buồn (thể hiện không đồng tình). <i>Gợi ý khác:</i> GV có thể linh hoạt sử dụng hình thức khác tùy điều kiện lớp học (HS thả tim, dùng tay thể hiện dấu X,... tương ứng với các tình huống) hoặc GV yêu cầu HS sắm vai mô phỏng tình huống, sau đó cả lớp bày tỏ thái độ tương ứng với tình huống. – Tình huống 1: <i>Biết tin một em nhỏ học cùng trường có bố mẹ đã mất khi tình nguyện tham gia phòng chống dịch bệnh,</i>	1. HS lắng nghe hướng dẫn của GV và nhận nhiệm vụ.

Bin nói với Cốm: “Mình cùng giúp đỡ em nhỏ này nhé!”. Cốm đáp: “Không. Đó không phải cách thể hiện lòng biết ơn”.

– *Tình huống 2: Na vừa quen một người bạn nước ngoài mới đến sống cùng khu phố. Na quyết định tìm hiểu và giới thiệu với bạn về một số nghệ nhân ở quê mình.*

– *Tình huống 3: Nhân dịp kỉ niệm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4), khu phố của Bin tổ chức thăm hỏi các gia đình có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bin đã xin phép bố mẹ cùng tham gia.*

2. Sau mỗi tình huống, GV nêu câu hỏi *Vì sao em đồng tình hoặc không đồng tình?* để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng tình huống. GV nhắc lại tình huống nhiều HS trả lời chưa phù hợp để điều chỉnh nhận thức và thái độ cho HS. GV hướng dẫn HS cách bày tỏ thái độ phù hợp khi thể hiện đồng tình hoặc không đồng tình.

3. GV tổ chức cho HS nhận xét lẫn nhau; GV nhận xét, động viên HS và yêu cầu HS bổ sung thêm tình huống thường gặp ở địa phương để giúp HS củng cố việc bày tỏ thái độ đồng tình hoặc không đồng tình.

2. HS thực hiện giờ thể theo hướng dẫn của GV và trả lời câu hỏi khi tham gia tương tác với GV.

** Câu trả lời mong đợi:*

– *Tình huống 1: Đồng tình với Bin, không đồng tình với Cốm. Bin cần giải thích cho Cốm hiểu rằng quan tâm, giúp đỡ gia đình người có công với quê hương, đất nước cũng là cách thể hiện lòng biết ơn.*

– *Tình huống 2: Đồng tình với việc Na tìm hiểu và giới thiệu với người bạn nước ngoài về một số nghệ nhân của địa phương.*

– *Tình huống 3: Đồng tình với việc thăm hỏi các gia đình có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.*

3. HS nhận xét bạn và lắng nghe GV nhận xét. HS nêu thêm một số tình huống tương tự trong thực tế địa phương và bày tỏ thái độ với từng tình huống.

4. GV kết luận trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo. <i>Gợi ý: Chúng ta cần đồng tình với lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước; không đồng tình với lời nói, việc làm không thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước. Khi bày tỏ thái độ không đồng tình, chúng ta cần thể hiện nhẹ nhàng, lịch sự qua ngữ điệu, nét mặt, cử chỉ, ánh mắt,...</i>	4. HS lắng nghe GV kết luận, chuyển ý.
Luyện tập 3. Xử lý tình huống	
1. GV hướng dẫn HS chia nhóm, thảo luận về cách xử lý tình huống, phân công vai diễn và diễn lại tình huống trước lớp. Tùy năng lực của HS, GV yêu cầu thời gian thảo luận và phân vai diễn cho hợp lí. GV lưu ý HS trao đổi, giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ, tất cả thành viên đều tham gia (có thể bổ sung các nhân vật khác khi sắm vai) và tìm nhiều cách để giải quyết tình huống sắm vai. 2. GV mời HS nêu tình huống trước lớp và phân tích trước khi thảo luận. – <i>Tình huống 1:</i> Lan sống với mẹ vì bố đang công tác ở đảo xa. Na rủ các bạn trong lớp đến giúp đỡ, động viên gia đình Lan. Tuy nhiên, Bin lại không đồng tình vì cho rằng điều này không cần thiết. <i>Nếu là bạn của Bin, em sẽ làm gì?</i> – <i>Tình huống 2:</i> Nhân dịp sinh nhật Tin, bố tặng Tin quyển sách <i>Anh hùng nhỏ tuổi đất Việt</i>. Tin nói với Cốm: “Quyển sách này không hấp dẫn nên mình chưa đọc”. <i>Nếu là Cốm, em sẽ làm gì?</i>	1. HS đọc tình huống, phân tích tình huống, lắng nghe GV hướng dẫn, tạo nhóm và nhận tình huống. 2. HS thảo luận nhóm, phân công vai diễn, cách xử lý tình huống, sắm vai thử trong nhóm. <i>* Cách xử lý mong đợi:</i> – <i>Tình huống 1:</i> Không đồng ý với Bin. Nếu là bạn của Bin, em sẽ giải thích cho Bin việc quan tâm, giúp đỡ gia đình người có công với quê hương, đất nước là cần thiết. Đồng thời, em sẽ thuyết phục Bin cùng tham gia hoạt động này. – <i>Tình huống 2:</i> Nếu là Cốm, em sẽ thuyết phục Tin đọc và chia sẻ về quyển sách <i>Anh hùng nhỏ tuổi đất Việt</i>. Việc làm này vừa thể hiện sự trân trọng tình cảm của bố dành cho Tin, vừa giúp Tin mở rộng hiểu biết và thể hiện lòng biết ơn, kính trọng đối với những anh hùng nhỏ tuổi đất Việt.

– <i>Tình huống 3</i>: Nhân kỉ niệm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam (22/12), nhà trường tổ chức buổi giao lưu với các cựu chiến binh. Trong lúc các bạn đang say sưa nghe kể chuyện lịch sử, Tin thì thầm với Bin: “Đây toàn là chuyện của người lớn. Mình xem truyện tranh đi Bin!” <i>Nếu là Bin, em sẽ làm gì?</i> – <i>Tình huống 4</i>: Khối lớp 5 tổ chức một buổi hoạt động trải nghiệm tại đền thờ liệt sĩ địa phương. Trong lúc các bạn đang tích cực tham gia hoạt động thì Cốm lại rủ Na trốn ra ngoài chơi. <i>Nếu là Na, em sẽ làm gì?</i> Trong quá trình HS thảo luận nhóm và sắm vai xử lí tình huống, GV quan sát và hỗ trợ HS khi cần thiết. 3. GV mời từng nhóm lên diễn và các nhóm còn lại nhận xét. 4. GV nhận xét và động viên HS. GV nhắc nhở HS thể hiện và nhắc nhở mọi người thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương đất nước bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. GV lưu ý việc sử dụng phi ngôn ngữ của HS khi các em sắm vai.	– <i>Tình huống 3</i>: Không đồng tình với Tin, khuyên Tin nên tập trung lắng nghe để thể hiện sự kính trọng, biết ơn các cựu chiến binh và những người có công đối với quê hương, đất nước. – <i>Tình huống 4</i>: Nếu là Na, em sẽ từ chối lời mời của Cốm và khuyên Cốm nên cùng mọi người tham gia hoạt động. Điều này thể hiện trách nhiệm của người HS và thể hiện lòng biết ơn đối với các anh hùng liệt sĩ. 3. Nhóm HS trình diễn trước lớp. Các nhóm HS khác nhận xét và góp ý lẫn nhau. 4. HS lắng nghe GV kết luận.
Tóm tắt ghi nhớ kết thúc tiết 2	
– GV nêu kết luận: + Đồng tình với lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước; không đồng tình với lời nói, việc làm không thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước. + Khi bày tỏ thái độ đồng tình/không đồng tình, thực hiện lời nói, việc làm, cần thể hiện lịch sự, tôn trọng qua ngữ điệu, ánh mắt, nét mặt, cử chỉ,...	– HS lắng nghe và có thể đặt câu hỏi thắc mắc, nếu có. – HS chuẩn bị cho tiết học tiếp theo.

- GV dặn dò HS cho tiết học tiếp theo:
- + Sưu tầm hình ảnh và đóng góp của các Danh nhân văn hoá thế giới của Việt Nam.
- + Suy nghĩ ý tưởng giới thiệu về một danh nhân văn hoá mà mình ấn tượng (thơ, bài hát, vẽ, báo tường,...).

Hoạt động Vận dụng (30 phút)

– *Mục tiêu:* HS vận dụng kiến thức đã học để rèn luyện việc thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

– *Nội dung:* Thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi; nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

– *Sản phẩm:* Câu trả lời của HS, thái độ làm việc của HS.

– *Tổ chức thực hiện:*

1. GV giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS thực hiện:

– *Sưu tầm hình ảnh và đóng góp của các Danh nhân văn hoá thế giới của Việt Nam.*

– *Chia sẻ với các bạn về những việc làm cụ thể để thể hiện lòng biết ơn các Danh nhân văn hoá thế giới của Việt Nam.*

6 danh nhân ở Việt Nam đã được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc (UNESCO) vinh danh là Danh nhân văn hoá thế giới:

Chu Văn An (1292 – 1370)

Nguyễn Trãi (1380 – 1442)

Nguyễn Du (1765 – 1820)

Hồ Xuân Hương (1772 – 1822)

Nguyễn Đình Chiểu (1822 – 1888)

Hồ Chí Minh (1890 – 1969)

GV hướng dẫn HS chọn hình thức trình bày (Powerpoint, báo tường,...) và thực hiện; có thể chuẩn bị ngữ liệu về các Danh nhân văn hoá trước đó. Sau khi HS hoàn thành, GV có thể tổ chức để HS chia sẻ với bạn bè theo kỹ thuật *Phòng tranh* (có thể dán ở bảng tin, góc học tập của lớp,...) hay trao đổi trong giờ sinh hoạt theo chủ đề có liên quan. GV phối hợp cùng với phụ huynh để khuyến khích, hỗ trợ HS thực hiện.

GV có thể tổ chức cho HS chia sẻ theo nhóm đôi, nhóm 4.

2. GV tổ chức cho HS viết một bức thư gửi các chiến sĩ nơi đảo xa (lưu ý về bố cục thư, nội dung chính là thăm hỏi, cảm nhận, bày tỏ lòng biết ơn). Sau khi HS viết thư, GV tổ chức cho 2 – 3 HS chia sẻ thư trước lớp và gửi thư đến hải đảo (bỏ thư vào bao thư, dán tem,...).
3. GV phối hợp cùng với phụ huynh để khuyến khích HS thực hiện. GV thường xuyên nhắc nhở HS thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi; nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.
4. HS nhắc nhở bạn bè thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước và ghi chép vào nhật kí rèn luyện của cá nhân (*Nhắc nhở ai? Nhắc nhở điều gì? Cảm xúc của em và người được nhắc nhở như thế nào?,...*).
5. Sau mỗi hoạt động, GV tổ chức cho HS nhận xét lẫn nhau; GV nhận xét và động viên HS.
Gợi ý: Mỗi ngày, chúng ta hãy nhớ cùng với bạn bè và người thân thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.

Hoạt động Tổng kết (5 phút)

- *Mục tiêu:* HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, điều chỉnh được hành vi để thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi; nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.
- *Nội dung:* Đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt.
- *Tổ chức thực hiện:*

1. GV có thể linh hoạt bằng nhiều hình thức, nếu còn thời gian có thể tổ chức trò chơi ôn tập cuối bài như trò chơi *Ô chữ, Trắc nghiệm nhanh,...* tập trung củng cố lại những lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước và cách nhắc nhở người khác thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước. GV dặn dò HS thực hiện và nhắc nhở mọi người thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước trong cuộc sống hằng ngày.
2. GV tổ chức cho HS đọc và nêu ý nghĩa của 2 câu thơ:

*Biết ơn thế hệ cha anh
Quyết tâm rèn luyện, học hành chăm ngoan.*

1. HS lắng nghe và tham gia hoạt động; nêu thắc mắc, nếu có.

2. HS đọc và nêu ý nghĩa của câu thơ.

3. GV tổ chức cho HS nêu suy nghĩ, cảm xúc sau bài học và đánh giá, rút kinh nghiệm.

3. HS tự đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của bài học thông qua phiếu tự đánh giá; tiếp nhận ý kiến nhận xét, đánh giá chung của GV.

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

A. Nội dung dạy học

1. Xác định nội dung dạy học

– Một số lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

– Nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

2. Kiến thức trọng tâm

– Một số lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước phù hợp với lứa tuổi:

+ Viết thư cảm ơn, thể hiện sự yêu quý, kính trọng.

+ Chào hỏi lễ phép với người có công với quê hương, đất nước.

+ Học tập theo gương những người có công với quê hương, đất nước.

+ Giúp đỡ, quan tâm đến người có công với quê hương, đất nước bằng những việc làm phù hợp với khả năng của mình.

+ Nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

+ Nói lời cảm ơn người có công với quê hương, đất nước và đưa hai tay trao/nhận đồ vật.

+ ...

– Chúng ta cần biết ơn những người có công với quê hương, đất nước và nhắc nhở bạn bè, người thân thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước. Khi thực hiện lời nói, việc làm cụ thể thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước hay nhắc nhở mọi người biết ơn người có công với quê hương, đất nước, chúng ta cần chú ý ngữ điệu, nét mặt và cử chỉ phù hợp, chân thành.

B. Các hồ sơ khác

TÓM TẮT TIỂU SỬ CHỊ VÕ THỊ SÁU

Chị Võ Thị Sáu sinh năm 1933, quê ở huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày nay. Lúc 14 tuổi, chị Sáu bắt đầu làm giao liên cho lực lượng công an xung phong huyện Đất Đỏ. Tuy còn nhỏ nhưng chị rất mưu trí, nhanh nhẹn và luôn hoàn thành

nhiệm vụ. Tháng 12/1949, chị Sáu bị giặc bắt, tra tấn dã man nhưng chúng vẫn không lấy được một lời khai nào của chị. Sau đó, dù không đủ bằng chứng, chúng vẫn kết án tử hình và đày chị ra Côn Đảo. Chị Võ Thị Sáu hi sinh vào sáng ngày 23/1/1952. Khi bị đưa ra xử bắn, chị vẫn ung dung, ngẩng cao đầu, hát vang bài hát *Quốc tế ca*. Chị đã được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

(Theo Cổng thông tin điện tử huyện Đất Đỏ, <https://datdo.baria-vungtau.gov.vn/>)

Mẫu 1: THƯ PHỐI HỢP VỚI GIA ĐÌNH TRONG CÔNG TÁC GIÁO DỤC HỌC SINH BIẾT ƠN NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC

THƯ GỬI CÁC BẬC CHA MẸ HỌC SINH

Quý cha mẹ học sinh kính mến!

“Lòng biết ơn không chỉ là đức tính vĩ đại nhất mà còn là khởi nguồn của mọi đức tính tốt đẹp khác” (Marcus Tullius Cicero). Thật vậy, lòng biết ơn không chỉ là một giá trị sống mà còn là một phương châm ứng xử nhân văn, tinh tế, góp phần làm nên vẻ đẹp nhân cách của con người. Qua đó, truyền thống nhân nghĩa của bao thế hệ người Việt được duy trì và phát huy.

Giáo dục con trẻ biết ơn người có công với quê hương, đất nước là điều quan trọng để hình thành và phát triển phẩm chất yêu nước. Điều này không chỉ giúp các con trở thành một người văn minh, lịch sự mà còn góp phần làm cho cuộc sống xã hội nhân văn hơn. Để làm được điều đó, người lớn chúng ta hãy là hình ảnh chân thực, gần gũi và thuyết phục để con trẻ học tập, noi theo. Mong quý cha mẹ luôn đồng hành cùng thầy cô giáo để rèn luyện cho các con bài học về sự biết ơn những người có công với quê hương, đất nước, cụ thể như sau:

1. Cha mẹ thường xuyên nhắc nhở con thực hiện những lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước và nhắc nhở người khác cùng thực hiện.

2. Cha mẹ làm tấm gương để con quan sát, học hỏi theo trong việc thực hiện và nhắc nhở người khác thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước. Cha mẹ phản hồi tích cực khi con thực hiện và nhắc nhở người khác thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

3. Cha mẹ vui lòng gửi lại ý kiến nhận xét về việc rèn luyện của các con cho GV chủ nhiệm.

Trong quá trình hướng dẫn, nhắc nhở và rèn luyện cùng con, nếu quý cha mẹ gặp bất kì khó khăn nào thì GV chủ nhiệm sẽ luôn sẵn sàng tư vấn và hỗ trợ.

Kính chúc quý cha mẹ HS nhiều sức khỏe và thành công!

Chân thành cảm ơn.

GV chủ nhiệm

Mẫu 2: PHIẾU RÈN LUYỆN VIỆC THỂ HIỆN LÒNG BIẾT ƠN
NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC

PHIẾU RÈN LUYỆN

1. Em hãy thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước và ghi vào bảng sau:

Những lời nói, việc làm biết ơn người có công với quê hương, đất nước	Em tự đánh giá  	Ý kiến của phụ huynh

: Thực hiện thường xuyên

: Chưa thực hiện

2. Em đã nhắc nhở người thân, bạn bè thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước như thế nào?

– Em đã nhắc nhở ai?

.....

.....

– Em đã nhắc nhở như thế nào?

.....

.....

.....

.....

.....

GỢI Ý KẾ HOẠCH KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Bài 2: Em biết ơn người có công với quê hương, đất nước

1. Mục đích

Đánh giá mức độ HS đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực sau khi học xong Bài 2.

2. Cấu trúc đề

Bao gồm 2 phần:

- Phần 1: Đánh giá thông qua quan sát thái độ, hành vi.
- Phần 2: Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.

3. Nội dung đề minh họa

3.1. Đánh giá thông qua quan sát

– Đánh giá thái độ tích cực của HS khi tham gia hoạt động Khởi động (năng lực giao tiếp và hợp tác), GV có thể thiết kế thang đo theo dạng:

Thang đo tính tích cực trong hoạt động Khởi động

Chưa tích cực (☹️)	Bình thường (😊)	Tích cực (😄)

– Đánh giá thái độ của HS trong quá trình thảo luận nhóm giải quyết các nhiệm vụ học tập (năng lực giao tiếp và hợp tác), GV có thể thiết kế thang đo theo dạng:

Thang đo thái độ khi thảo luận nhóm

Các tiêu chí	Cần cố gắng	Đạt	Tốt
Cả nhóm cùng tham gia thảo luận, không có thành viên làm việc riêng			
Xác định được nhiệm vụ của nhóm và cá nhân			
Hoàn thành nhiệm vụ của nhóm được giao			
Mạnh dạn, tự tin trình bày kết quả thảo luận của nhóm			
Có trao đổi, nhận xét, góp ý cho bạn trong nhóm			
Nhận xét nhóm khác với thái độ thiện chí			

– Đánh giá hành vi thực hiện được lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước trong xử lý tình huống ở hoạt động Luyện tập, GV có thể thiết kế phiếu đánh giá:

Phiếu đánh giá sắm vai xử lý tình huống

Tiêu chí	Mức độ		
	<i>Chưa hoàn thành</i>	<i>Hoàn thành</i>	<i>Hoàn thành tốt</i>
<i>Cách xử lý tình huống</i>	Xử lý tình huống chưa hợp lí.	Xử lý tình huống khá hợp lí, còn sai sót 1 – 2 ý không đáng kể.	Xử lý tình huống phù hợp, chính xác.
<i>Diễn đạt</i>	Chưa lưu loát, ngữ điệu chưa phù hợp.	Khá lưu loát, ngữ điệu phù hợp.	Lưu loát, ngữ điệu phù hợp.
<i>Sử dụng phi ngôn ngữ</i>	Nét mặt, cử chỉ, ánh mắt chưa phù hợp.	Nét mặt, cử chỉ, ánh mắt khá phù hợp.	Nét mặt, cử chỉ, ánh mắt phù hợp, sinh động.
<i>Diễn xuất</i>	Diễn xuất còn lúng túng, thiếu tự tin; chưa phối hợp với bạn diễn.	Diễn xuất khá tự tin, còn vụng về trong lời thoại nhưng không đáng kể; phối hợp khá tốt với bạn diễn.	Diễn xuất tự tin, lưu loát trong lời thoại; phối hợp tốt với bạn diễn.

3.2. Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập

GỢI Ý ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP TRÊN LỚP

(Dùng cho GV đánh giá)

Tiêu chí	Mức độ		
	<i>Không hoàn thành</i>	<i>Hoàn thành</i>	<i>Hoàn thành tốt</i>
<i>1. Nêu được một số lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.</i>	Không nêu được hoặc chỉ nêu được 1 hoặc 2 biểu hiện.	Nêu được từ 3 đến 4 biểu hiện.	Nêu được trên 4 biểu hiện.

2. Đồng tình với những lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước; không đồng tình với những lời nói, việc làm không biết ơn người có công với quê hương, đất nước.	Không bày tỏ được thái độ đồng tình/không đồng tình.	Bày tỏ được thái độ đồng tình/không đồng tình.	Bày tỏ được thái độ đồng tình/không đồng tình và giải thích được lí do.
3. Thể hiện được lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.	Không chủ động; thỉnh thoảng thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước; còn vi phạm.	Khá chủ động, thường xuyên thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.	Chủ động thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.
4. Nhắc nhở bạn bè có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.	Không nhắc nhở hoặc lời nói phù hợp nhưng ngữ điệu chưa phù hợp, nét mặt, cử chỉ chưa phù hợp.	Có nhắc nhở; cách nhắc nhở còn chưa phù hợp hoàn toàn (lời nói, ngữ điệu, nét mặt, cử chỉ khá phù hợp).	Thường xuyên nhắc nhở; cách nhắc nhở phù hợp (lời nói, ngữ điệu, nét mặt, cử chỉ phù hợp, thân thiện, tôn trọng).

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo

Phó Tổng biên tập NGUYỄN VĂN TÙNG

Giám đốc Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định TRẦN THỊ KIM NHUNG

Biên tập nội dung: VŨ TRỌNG THANH

Trình bày bìa: ĐẶNG NGỌC HÀ

Thiết kế sách: PHÙNG THỊ THANH BÌNH

Sửa bản in: TRỌNG THANH

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Địa chỉ sách điện tử và tập huấn qua mạng

– Sách điện tử: *hanhtrangso.nxbgd.vn*

– Tập huấn online: *taphuan.nxbgd.vn*

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.**

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG
SÁCH GIÁO KHOA MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 5 – BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

Mã số:

In bản, (QĐ) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB:

Số QĐXB: .../QĐ- GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN:



TRẦN TRỌNG GIỚI THIỂU

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN,
BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA**
môn

ĐẠO ĐỨC

BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

LỚP 5



Sách không bán